

Môn: Các Sách Phúc Âm  
Giáo sư: Tiến sĩ Lâm Văn Minh

Hội Thánh Báp-Tít Orlando  
Khóa Mùa Thu 2008

### CHƯƠNG TRÌNH

**MÔ TẢ:** Học về đời sống của Đức Chúa Jê-sus Christ theo sự nghiên cứu tổng hợp và phân tách các sách Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng. Mỗi sách được nghiên cứu theo từng quan điểm khác nhau.

**SÁCH :** - Quyển Kinh Thánh.

**MỤC TIÊU:** Đến cuối khóa học, sinh viên có thể am hiểu:

- 1.- Sự chuẩn bị thế giới để Con Đức Chúa Trời sinh ra và sự công bố Phúc Âm của Ngài qua phương pháp quyền năng của Chúa.
- 2.- Chủ đề mỗi sách và giải thích mỗi phần của sách liên quan đến ý nghĩa của nó.
- 3.- Liệt kê những đặc tính và bối cảnh tài liệu của từng sách.
- 4.- Thuộc lòng những câu đặc biệt cần nhớ.
- 5.- Định nghĩa về nước Đức Chúa Trời trong Phúc Âm bởi Chúa Jê-sus và môn đồ.
- 6.- Áp dụng các sứ điệp đặc biệt của các trước giả cho đời sống của sinh viên trong mỗi hoàn cảnh.

**ĐIỀU SINH VIÊN CẦN LÀM:**

- 1.- Tham dự các lớp học đều đặn.
- 2.- Cộng tác trong giờ học.
- 3.- Đọc Kinh Thánh theo lời dạy.
- 4.- Học thuộc lòng những câu Kinh Thánh theo lời dạy.
- 5.- Làm bài viết và bài thi.

**BÀI VIẾT:** Có bốn bài viết, mỗi bài từ hai đến ba trang giấy viết tay, mỗi bài cho một sách Phúc Âm.

- 1.- Bài thứ nhất: Những ý chính của Bài Giảng Trên Núi của Chúa Jê-sus.
- 2.- Bài thứ nhì: Chúa Jê-sus như là Đầy tớ.
- 3.- Bài thứ ba: Sự giáng sinh siêu phàm của Chúa Jê-sus.
- 4.- Bài thứ tư: Ý nghĩa của những câu nói " Ta Là " của Chúa Jê-sus.

**THI:** Có bốn kỳ thi kiểm ( quiz) cho mỗi sách Phúc Âm, và bố kỳ thi chính ( exam ): Mỗi kỳ cho một sách.

## NHỮNG SO SÁNH GIỮA CÁC SÁCH PHÚC ÂM

<b>Những So Sánh Giữa Các Sách Phúc Âm</b>				
<b>Phương Diện</b>	<b>Ma-thi-ơ</b>	<b>Mác</b>	<b>Lu-ca</b>	<b>Giăng</b>
<b>Quan Điểm về Christ</b>	Vua Do thái	Đầy tớ thánh	Con Người	Con Đức Chúa Trời
<b>Nơi Nhận</b>	Người Do Thái	Người La Mã	Người Hy Lạp	Thế Gian
<b>Câu Chính</b>	5:17	10:45	19:10	20:30-31
<b>Chủ Đề</b>	Vương Quốc cho Dân Do Thái	Vâng Phục Đức Chúa Trời	Đáp ứng Nhu Cầu con người	Thần tính của Đấng Christ
<b>Phân Biệt</b>	Ứng nghiệm lời tiên tri Cựu Ước	Chữ “tức thì” 40 lần. Sách ngắn nhất.	Sự hoàn thành & chi tiết. Sách dài nhất.	99 chữ “tin”. Tin để có sự sống đời đời.
<b>Tính Chất Sách</b>	Tiên tri	Thực tế	Lịch sử	Tâm linh
<b>Chữ Chính</b>	“Ứng nghiệm”	“Tức thì”	“Con Người”	“Tin”
<b>Giống Nhau</b>	58% (42% riêng)	93% (7% riêng)	41% (59% riêng)	8% (92% riêng)
<b>Nhân Mạnh</b>	Bài giảng	Phép lạ	Ẩn dụ	Giáo lý
<b>Được Viết Bởi</b>	Người thu thuế	Đầy tớ, giáo sĩ	Bác sĩ	Ngu phủ
<b>Kết Thúc Với</b>	Sự sống lại là cơ của Đấng Mê-si	Sự thắng thiên của Đầy tớ vinh hiển	Thánh linh hứa cho kẻ ở lại	Chúa tái lâm
<b>Phương Diện</b>	Vua (Xa 9:9)	Đầy tớ (Ê-sai 42:1)	Con Người (Xa 6:12)	Đức Chúa Trời (Ê-sai 40:9)
<b>Việc của Christ</b>	Christ sẽ đến cai trị	Christ đến khiêm nhường phục vụ	Christ trong con người để chia sẻ	Christ trong thần tính đến để bày tỏ
<b>Dòng Dõi</b>	Đến Áp-ra-ham		Đến A-đam	

## BỐI CẢNH LỊCH SỬ

### LỊCH SỬ:

Đế quốc Ba-Tư bắt đầu tan rã vào năm 424 B.C. Sự tan rã là do A-lich-sơn Đại đế ( 336-323 B.C.), người chủ ý việc truyền bá văn hóa Hy-lạp. Dù cư xử tử tế với người Do-thái, vị hoàng đế này muốn cho văn hóa Hy-lạp tràn lan khắp nơi trên thế giới, kể cả xứ Do-thái. Khi ông ấy chết, đế quốc của ông ta bị chia rẽ do năm vị tướng lãnh của ông. Hai trong các vị tướng này có ảnh hưởng đến lịch sử Do-thái. Đó là Seleucus và Ptolemy. Seleucus thắng Ptolemy và chiếm lấy xứ Do-thái năm 198 B.C.

Một điểm đặc biệt khác nữa cần nhớ là sự cai trị hà khắc của Antiochus IV ( còn gọi là Epiphanes .) Người này bắt người Do-thái phải theo tôn giáo Hy-lạp. Sự tàn ác và giày xéo đền thờ Jerusalem khiến cho có cuộc nổi loạn Maccabean. Thời kỳ Maccabean bắt đầu khi Mattathias từ khước dâng heo làm của tế lễ. Ông ta giết các người làm nhiệm vụ tế lễ và binh sĩ của họ vì những người này bắt ông ta phải làm điều sai quấy đó, rồi cùng năm người con trai của ông trốn lên núi. Ba trong năm người con trai của ông sau này kế nghiệp cha trong vai trò thầy tế lễ cả và cai trị. Đó là Judas, Jonathan và Simon. Họ tiếp tục cai trị Do-thái trong thời kỳ độc lập. Thời kỳ độc lập chấm dứt vào năm 63 B.C. khi đế quốc La-mã bắt đầu thống trị cả vùng. John Hyrcanus là cháu nội của Mattathias cai trị trong thời kỳ đen tối của Do-thái, cuối cùng chấm dứt bằng cuộc nội chiến làm cho hàng ngàn người chết và mở đầu cho việc La-mã chiếm xứ.

Đế quốc La-mã bắt đầu khi Pompey, vị tướng La-mã, chiếm Jerusalem, và nắm quyền hành lúc Chúa Jêsus Christ giáng sinh. Vua Hê-rốt được chính quyền La-mã cho nắm quyền cai trị Do-thái.

### TÔN GIÁO:

***Người Sa-đu-sê:*** Nhóm người này thích chính trị hơn tôn giáo, dù họ được kể như là một đảng tôn giáo. Có thể họ đã có từ lúc Maccabean hoạt động. Họ luôn luôn có liên hệ để giới lãnh đạo cai trị. Họ chống người Pha-ri-si, chỉ chấp nhận Ngũ Kinh, chống lời truyền khẩu, không tin có thiên sứ và sự sống lại. Họ chống Chúa Jêsus vì e ngại Ngài nổi tiếng rồi ảnh hưởng dân chúng, có thể gây phiền muộn đối với chính quyền La-mã.

***Người Pha-ri-si:*** Danh từ này lấy từ chữ " biệt lập." Họ rất cẩn thận trong sự thực hiện luật Do-thái, thích lời truyền khẩu, và giúp người dân vâng phục luật pháp Do-thái. Họ giữ rất kỹ các hình thức thờ phượng của người Do-thái. Họ tin có sự sống lại, có sự trừng phạt, có phần thưởng trong đời sau, tin có thiên sứ, sự cao cả của ngũ kinh và thần quyền trong lịch sử. Họ là một đảng tôn giáo.

***Văn sĩ ( thầy thông giáo ):*** Sự thích thú về luật pháp của người Do-thái dẫn đến sự hình thành nhóm người này, là những người dành nhiều thì giờ nghiên cứu luật pháp. Họ là những sinh viên và là những kẻ bảo vệ luật pháp Do-thái. Một điều lạ là dù tìm tòi nghiên cứu Kinh Thánh mà lại thích lời truyền khẩu hơn Kinh Thánh.

Họ hợp tác với nhóm Pha-ri-si, dần dần giảm đi phần tôn giáo quan trọng của Kinh Cựu Ước để đi đến chủ trương Ra-bi khô khan tự mình đặt ra.

***Nhà hội***: Nhiều câu chuyện của Chúa Jê-sus xảy ra quanh nhà hội. Nhà hội có thể có từ khi có cuộc bị đày qua Ba-by-lôn và Ba-tư. Khi người bị đưa ra khỏi vùng đền thờ Jerusalem, họ gặp nhau ở một nơi để cùng đọc Kinh Thánh. Quen với nhà các sinh hoạt của nhà hội rồi, người ta thường đến đó để đọc luật pháp và lời tiên tri, thảo luận Kinh Thánh, cầu nguyện và hát ngợi khen. Điều kiện duy nhất để có một nhà hội là phải có ít nhất mười người đàn ông.

## **PHÚC ÂM ( TIN LÀNH ) MA-THI-Ơ**

### **NGƯỜI VIẾT VÀ NGƯỜI NHẬN**

Tác giả: Ma-thi-ơ là một trong mười hai môn đồ theo Chúa Jêsus trong thời gian Chúa thi hành chức vụ. Ông có tên Lê-vi, một người làm nghề thu thuế cho đế quốc La-mã ( Ma-thi-ơ 9:9), Mác gọi ông là Lê-vi, con A-phê ( Mác 2:14 ).

Người nhận: Dân Do-thái.

Chủ đề và mục đích của sách: Ma-thi-ơ ghi lại cuộc đời và các biến cố trong cuộc đời và chức của Chúa Jêsus Christ để xác nhận với dân Do-thái rằng Chúa Jêsus quả thật là Đấng Mê-si-a, và giải thích về nước Đức Chúa Trời trong thời đại hiện nay, vì dân Do-thái phủ nhận vị vua của họ.

Chữ cần nhớ: Đấng Mê-si-a là Vua.

Câu Kinh Thánh cần nhớ: Ma-thi-ơ 2:2

### **DÀN BÀI**

- 1.- Trình bày về vị Vua ( 1:1-4:11 )
- 2.- Công bố của vị Vua ( 4:12-7:29)
- 3.- Quyền phép của vị Vua ( 8:1-11:1)
- 4.- Sự phủ nhận vị Vua ( 11:2-16:12)
- 5.- Sự chuẩn bị các môn đồ của vị Vua (16:13-20:28)
- 6.- Sự trình bày và sự phủ nhận vị Vua (20:29-27:66)
- 7.- Bằng cứ của vị Vua ( 28 ).

### **NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA SÁCH**

- 1.- Bắt đầu bằng phở hệ của Giô-sép theo dòng vua của Chúa Jêsus.
- 2.- Nói về những lời tiên tri đề cập đến Đấng Mê-si-a ( 99 câu Cựu Ước, trong đó có 10 câu nói về Mê-si-a, hơn 3 sách phúc âm khác. )
- 3.- Không giải thích về cổ tục Do-thái, vì viết cho người Do-thái.
- 4.- Sử dụng những hình thức vương quốc Hê-bơ-rơ khi nói về thiên đàng ( 28 lần).
- 5.- Viết theo thứ tự bố cục: Ma-thi-ơ đặt năm bài thuyết giảng theo từng đề tài:
  - a.- 5-7: Bài giảng trên núi.
  - b.- 10: Sứ mạng của mười hai môn đồ.
  - c.- 13: Những ẩn dụ về vương quốc Đức Chúa Trời.
  - d.- 18: Ý nghĩa của sự vĩ đại về tha thứ.
  - e.- 24-25: Bài giảng trên núi Ô-li-ve.
- 6.- Đây là sách phúc âm duy nhất đề cập đến hội thánh ( 16:18 và 18:17)
- 7.- Nói nhiều về những ngày sau cùng và thời kỳ tương lai.
- 8.- 3/4 sách là bài dạy.
- 9.- Sách duy nhất nói về sự viếng thăm của những bậc thông thái khi Chúa Jêsus vừa giáng sinh.
- 10.- Sách được hội thánh đầu tiên đọc nhiều nhất.
- 11.- Các giáo phụ của hội thánh đầu tiên đề cập đến sách này nhiều nhất.

## ĐOẠN 1

### I.- PHỔ HỆ HOÀNG TỘC CỦA VỊ VUA : 1:1-17

A.- Chúa Jêsus là người Do-thái duy nhất mà phổ hệ còn nhìn thấy được. Tất cả những gia phả của mọi người Do-thái khác đều bị hoàng đế La-mã tên Titus tiêu hủy vào năm 70 AD.

B.- Đức Chúa Trời có hứa với Đa-vít rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến từ dòng dõi của ông vua ấy ( II Sa-mu-ên 7:13-16, Lu-ca 1:32; Rô-ma 1:3).

C.- Phổ hệ do Ma-thi-ơ ghi lại khác với sách Lu-ca:

1.- Ma-thi-ơ bắt đầu với Áp-ra-ham, vì trình bày cho người Do-thái Chúa Jêsus trong vai trò Vị Vua. Còn Lu-ca bắt đầu với A-đam, vì Lu-ca trình bày Chúa Jêsus trong vai trò Con Người trọn vẹn, khác với A-đam bất toàn.

2.- Ma-thi-ơ kể phổ hệ của Chúa Jêsus qua con vua Đa-vít là Sa-lô-môn, trong khi Lu-ca kể theo con Đa-vít là Na-than.

3.- Ma-thi-ơ kể từ đầu ( Áp-ra-ham ), trong khi Lu-ca kể từ cuối ( Giô-sép ).  
Giải thích về sự khác lạ này: Annius of Viterbo ( 1490) giải thích rằng Ma-thi-ơ kể phổ hệ của Giô-sép, còn Lu-ca kể phổ hệ của dòng dõi Ma-ri. Ma-thi-ơ chú ý về gia tộc hợp tác ( Giô-sép), còn Lu-ca kể theo dòng dõi thân thể ( Ma-ri ).

### II.- THAI NGHÉN VỊ VUA ( 1:18-25)

A.- Hứa hôn ( 1:18; Phục Truyền 22:23-24) : Không được ân ái trong thời gian hứa hôn, nhưng có giao ước kết hợp, và chỉ hủy bỏ khi có sự ly dị.

B.- Thai nghén cách mâu nhiệm do phép lạ ( 1:20; Ê-sai 7:14):

1.- Không ăn ở " cho đến khi "Jêsus sinh ra. Ma-ri và Giô-sép vẫn có đời sống hôn nhân bình thường sau khi Jêsus sinh ra.

2.- Đức Thánh Linh là nguyên nhân hiệu quả cho sự thai nghén của Ma-ri. Khi tạo ra sự thai nghén cách mâu nhiệm, Đức Thánh Linh đã thánh hóa bản tính Con Người của Chúa Jêsus. Là Con Người trọn vẹn mà ý muốn luôn luôn tuân phục thánh ý của Đức Chúa Trời, Đấng Christ không bị nhiễm tội lỗi ( Nghĩa là không thể phạm tội.)

3.- Sự giáng sinh bởi trinh nữ là ứng nghiệm Ê-sai 7:14, và lời hứa đầu tiên về Đấng Mê-si-a theo Sáng thế ký 3:15.

4.- Tên Jêsus là do chính Đức Chúa Trời đặt ( Giô-sép và Ma-ri không đặt tên). Khi ai đặt tên cho một người, thì người đặt tên có quyền trên người được đặt tên ( Sáng thế ký 2:19) . Không ai ngoài Đức Chúa Cha có quyền trên Chúa Jêsus ( Ma-thi-ơ 28:18 và Glăng 2:4 ).

C.- Tên Jêsus ( 1:21):

1.- " Jêsus " là tên thông thường trong thế kỷ thứ nhất, nhưng về sau thì không còn phổ thông vì Cơ đốc nhân kính nể, còn người Do-thái lại khinh miệt ( Lu-ca 3:29; Công vụ 13:6; Cô-lô-se 4:11 ).

2.- Theo chữ Hê-bơ-rơ, “ Jêsus” có tên là “ Giô-suê” hoặc “ Glê-sua.” Chữ này có nghĩa là “ Glê-hô-va cứu” hoặc “ Glê-hô-va là sự cứu rỗi.” Vì thế danh “ Jêsus” nhắc nhở chúng ta rằng Ngài là sự cứu rỗi của Giê-hô-va, là Đấng được Giê-hô-va đặt làm Cứu Chúa chúng ta (21).

## ĐOẠN 2

### I.- VỊ VUA GIÁNG SINH ( 2:1-23 )

A.- Các nhà thông thái ( bác sĩ ) đến viếng (2:1-12):

1.- Những vị này là dân ngoại, không phải Do-thái, theo Ê-sai 42:6 và 49:6. Sự viếng thăm của họ cho thấy sự cai trị của Mê-si-a trong một vương quốc rộng lớn của cả thế giới ( Xa-cha-ri 14:9 và 16).

2.- Họ là những nhà thông thái có lẽ là chiêm tinh gia, biết ngắm sao trời mà suy tính vận mệnh quốc gia, từ Ba-by-lôn hoặc Ả-rập.

3.- Có lẽ họ đã quen biết lời tiên tri của Đa-ni-ên về Đấng Mê-si-a: Lời tiên tri về tuần thứ 70, thời gian đến của Mê-si-a là 483 năm ( 69 tuần ) sau chỉ thị cho phép xây lại đền thờ Jerusalem. Sắc lệnh này được ban hành do vua Ba-tư là Artaxerxes vào 14-3-445 BC. Do Nê-hê-mi ghi lại trong Nê-hê-mi 2:1-8. Lời tiên tri được ứng nghiệm vào ngày 6-4-32 A.D. khi Đấng Christ vào thành Jerusalem trong ngày lễ là Chúa Nhật đầu tiên.

4.- Các nhà thông thái nhận Chúa Jêsus là “ Vua dân Do-thái ” ( 2:2). Tài liệu này giúp thêm cho lời của Ma-thi-ơ nói Jêsus là Vua Y-sơ-ra-ên, nhưng quốc gia Do-thái không công nhận điều này ( Giảng 19:15) .

5.- Vua Hê-rốt: Đây là Hê-rốt đại đế ( Herod the Great ) ( 37-4B.C. ). Ông này không phải người Do-thái chính tông, mà là người từ xứ Idumia ( Ê-đôm) được nghị viên La-mã cho làm vua Giu-đê ( miền nam Do-thái ) vào năm 40 B.C. Ông ta rất độc tài và tàn ác, giết vợ, mẹ vợ, ba con trai của ông ta, và tất cả những đứa con trai từ hai tuổi sắp xuống tại Bết-lê-hem ( 2:16). Ông cũng là người xây lại đền thờ tại Jerusalem để lấy lòng người Do-thái mà thôi, chứ không phải thật tâm phục vụ Chúa ( Hãy so sánh câu nói và việc làm của ông ta trong Ma-thi-ơ 2:8 và 16. )

B.- Đến Ai-cập ( 2:13-23 ):

1.- Những lễ vật của các nhà thông thái giúp lộ phí đi tỵ nạn tại Ai-cập.

2.- Ma-thi-ơ nhìn lịch sử Ysơraên qua đời sống Chúa Jêsus theo Ô-sê 11:1. Chúa đã dùng nước Ai-cập để bảo vệ Giô-sép ( cứu cả gia tộc ) và Môi-se( cứu cả dân tộc ) trong thời kỳ Cựu Ước, và Chúa Jêsus (cứu cả nhân loại.) Trong nhiều cách khác nhau, cuộc đời những lãnh tụ Do-thái và lịch sử của dân tộc này đưa đến chân lý về Đấng Mê-si-a.

3.- Bất cứ lúc nào có tên của Jêsus và mẹ Ngài thì tên Ngài luôn luôn được đề cao trước tiên ( 2:11, 13, 14, 20, 21 ). Ma-ri chẳng bao giờ nắm vị trí tối cao.

4.- Các nhà thông thái thờ lạy hài nhi Jêsus ( 2:11 ).

5.- Mục đích chính của đoạn 2 là để chỉ thế giới công nhận Jêsus là Đấng Mê-si-a:

(a) - Do-thái thì hững hờ và chống đối trong khi dân ngoại thì thờ lạy. Đoạn 2 đặt sân khấu và nền tảng cho phần còn lại của cả sách.

(b) - Nơi Chúa sinh ra: Bết-lê-hem ( 2:5-6)

- Nơi tỵ nạn: Ai-cập ( 2:15)

- Vua Hê-rốt: tàn sát trẻ con ( 2:17-18)

- Đấng Mê-si-a thuở thiếu thời: ở tại Na-xa-rét ( 2:23 )

### ĐOẠN 3

#### I.- GIĂNG BÁP-TÍT

1.- Lời giảng của các tiên tri đã im lặng trong 400 năm, nay trở lại với tiếng nói của Giăng Báp-tít trong tinh thần và quyền năng của Ê-li (Ma-thi-ơ 11:14; 17:12-13 và Lu-ca 1:17) để đưa lòng của những tổ phụ về với con cái họ ( Ma-la-chi 4:5-6) .

2.- Sứ điệp của Giăng Báp-tít là “ ăn năn hay đốt !” ( 3:12) là tiếp tục lời cảnh cáo của Ma-la-chi nói trước về sự đến của Đấng Mê-si-a để đốt kẻ làm điều xấu ( Ma-la-chi 4:1 ) .

3.- “ Nước thiên đàng đến gần” nghĩa là vị Vua sắp đến !

4.- Báp-têm của Giăng Báp-tít là căn cứ vào sự xưng tội và ăn năn như điều kiện cần có trước tiên ( 3:6, 11). Giăng làm báp-têm “ cho ” sự ăn năn, nghĩa là “ vì sự ăn năn, chứ không phải là tạo ra sự ăn năn.” ( Công vụ 2:28) ( vì tội của bạn đã được tha thứ, chứ không phải để tạo ra sự tha tội.) Để ý sự báp-têm của Môi-se ( Xuất 19:10, 14) để chuẩn bị cho Ysơraên trong Cựu Ước giống như của Giăng trong Tân Ước.

5.- Chúa Jêsus làm báp-têm bằng “ Thánh Linh và lửa ” ( 3:11) đề cập đến sự cứu rỗi ( Thánh Linh ) và đoán phạt (lửa) ( 3:12 ) .

Công giáo La-mã dựa vào ( I Cô-rinh-tô 3:13-15 và II Cô-rinh-tô 5:10 ) để biện chứng cho “ lò luyện tội ” ( purgatory ). Báp-têm bằng Thánh Linh là phương tiện của Đức Chúa Trời để nhận dân Ngài và là phương tiện bước vào Hội Thánh ( I Cô 12:13 và Rô-ma 8:9).

#### II.- BÁP-TÊM CỦA CHÚA JÊSUS CHRIST

Để bắt đầu chức vụ công khai như là Đấng Mê-si-a, lúc 30 tuổi ( Lu-ca 3:21-23), Chúa Jêsus nhận báp-têm để:

1.- Làm trọn mọi sự công nghĩa (3:15).

2.- Nêu tấm gương vâng phục cho môn đồ.

3.- Bày tỏ Đấng vô tội chết thay cho kẻ có tội ( Ê-sai 53:12)

4.- Cho thấy hình ảnh chết, chôn và sống lại ( Lu-ca 12:50 và Mác 10:38).

## ĐOẠN 4

### I.- VỊ VUA BỊ CẤM DỠ ( 4:1-11)

a.- Được Đức Thánh Linh đưa tới: Chúa khiến cho sự thử thách, chứ không phải Satan. Ý Chúa: Để chúng tỏ Chúa Jêsus có quyền cai trị vương quốc công nghĩa. Còn Satan thì chúng tỏ Chúa Jêsus không đủ khả năng đóng vai trò Mê-si-a.

b.- Sự cấm dỠ song song với A-đam và Ê-va:

1.- Ân điển Chúa: Satan muốn chúng tỏ Đức Chúa Trời không cung ứng nhu cầu cho nên phải biến đá thành bánh, như “ hãy ăn trái cây .”

Dạy dỗ: Sự thỏa lòng do sự vâng lời chứ không phải buông trôi ( Phục 8:3)

2.- Lời Chúa: Satan chúng tỏ lời Chúa không đáng được tin cậy, nếu không có sự thử thách nó. Nên nhớ “ Người sẽ chẳng chết đâu” và “ Hãy nhảy từ đền thờ này đi.” Ma quỷ từng nói như vậy với mọi người.

Dạy dỗ: Tin cậy không đòi hỏi thử thách. Chúng ta hãy tin Lời Chúa tuyệt đối ( Phục 6:16 ).

3.- Quyền phép của Chúa: Satan muốn Chúa Jêsus phải vâng lời nó mà không được vâng lời Chúa.

Dạy dỗ: Chỉ một mình Chúa là đáng để chúng ta tôn thờ ( Phục 6:13)

c.- Kế hoạch của Satan:

1.- “ Chúa giới hạn bạn. Hãy làm theo ý bạn muốn.”(Tham lam, vật chất )

2.- “ Đừng tin lời Chúa khi lời đó chưa được thử thách.” ( Vô tín )

3.- “ Hãy vâng theo Satan thì bạn có thể biết được số mạng của mình.”

( kiêu ngạo, tự lập )

d.- “ Nếu người là Con Đức Chúa Trời ”, có nghĩa là “ vì người là. . ”

e.- Vũ khí để thắng: Lời Đức Chúa Trời ( Ê-phê-sô 6:17 ) trả lời 3 thử thách trên.

### II.- QUYỀN NĂNG CỦA VỊ VUA ( 4:12-25)

A.- Ca-bê-na-um: Nhà Phi-e-rơ là nơi Chúa dùng để thi hành chức vụ tại Ga-li-lê ( Mác 2:1; 9:33) , phía bắc bờ hồ Ga-li-lê, còn gọi là Hồ Ghê-nê-xa-rết hay Biển Ti-bê-ri-át ( Lu-ca 5:1, Giảng 6:1, 21:1 ). **Biển Ga-li-lê dài 14 miles, rộng 6 miles, do nguồn nước của sông Giô-đanh.**

B.- “ **Hãy ăn năn. . . Nước** thiên đàng đã đến gần ” là sứ điệp của Chúa Jêsus, cũng như của Giảng Báp-tít ( 3:2), được công bố:

1.- Bồi thiên sứ cho Xa-cha-ri ( Lu-ca 1:11-17, thiên sứ cho Ma-ri ( Lu-ca 1:26-35 ), bồi Jêsus ( Ma-thi-ơ 4:17 ), bồi Giảng Báp-tít (Ma-thi-ơ 3:2 ), bồi 12 sứ đồ ( Ma-thi-ơ 10:5-7), bồi 70 môn đồ ( Lu-ca 10:1, 9, 11)

2.- Cho Giô-sép ( Ma-thi-ơ 1:20-25), cho chăn chiên ( Lu-ca 2:8-15).

**ĐOẠN 5-7**  
**BÀI GIẢNG TRÊN NÚI**

Chủ đề: Để nói rõ đời sống của người công bình trong thái độ và hành động.

- 1.- Những nguyên tắc (5:1-16):
  - a.- Những đặc tính của sự công bình ( 5:1-12).
  - b.- Ảnh hưởng của sự công bình ( 5:13-16)
- 2.- Thực hành: 5:17-7:11
  - a.- Có liên quan đến Cựu Ước ( 5:17-48)
  - b.- Có liên quan đến đời sống ( 6:1-7:11 )
    - Đời sống tôn giáo ( 6:1-18)
    - Đời sống thực tế ( 6:19-34)
    - Đời sống liên hệ ( 7:1-11 )
  - c.- Những ưu tiên ( 7:12-27)
    - Những nguyên tắc ( 7:12-23)
    - Thực hành ( 7:24-27)

Ngôn ngữ:

- 1.- “ Phước cho ”: Sự vui tinh thần cho những ai được vào nước Chúa.
- 2.- “ Có lòng khó khăn ”: Cảm thấy tinh thần suy sụp có liên quan đến Chúa, không có sự công bình.
- 3.- “ Than khóc ”: Vì tội lỗi và nghèo nàn tâm linh.
- 4.- “ Nhu mì ”: Tốt đối với người, và khiêm nhu đối với Chúa.
- 5.- “ Đói khát vì sự công bình ”: Khao khát có sự thánh khiết và công bình trong xã hội.
- 6.- “ Lòng trong sạch ”: Đây là câu chính trong bài giảng. Không có sự giả hình, có tấm lòng thành thật, một lòng, không hai lòng.
- 7.- “ Kẻ làm cho hòa thuận ”: Không phải có lòng bình an mà là làm cho người thuận thảo với nhau.
- 8.- “ Con Đức Chúa Trời ”: Được vào thiên đàng.
- 9.- “ Bị bắt bớ ”: Sự thánh khiết và đạo đức đưa đến sự bắt bớ và đau khổ ( Giảng 15:18).
- 10.- “ Muối và sự sáng ”: Muối là để trừ sự xấu xa trong thế gian. Sự sáng là để đưa bóng tối tâm linh ra khỏi thế gian và làm sáng danh Chúa.

Cựu Ước:

- 1.- “ Luật pháp và lời tiên tri ”: Cả Cựu Ước.
- 2.- “ Không phải để phá mà làm cho trọn ”: Không chỉ trích Cựu Ước.
  - Chúa Jêsus xác nhận giá trị và chân lý của Cựu Ước.
  - Chúa Jêsus không chống đối Cựu Ước.
  - Chúa Jêsus làm cho trọn bằng sự chết của Ngài, giữ luật pháp trọn vẹn bằng đời sống thánh khiết, và giới thiệu Tân Ước bằng sự chết của Ngài.

## NHỮNG VIỆC TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA CHÚA JÊSUS CHRIST TRÊN ĐẤT

- 1.- Giáng sinh ( Lu-ca 2:1-7)
- 2.- Những người chần chừ tôn thờ Chúa ( Lu-ca:8-20)
- 3.- Dâng con tại Jerusalem ( Lu-ca 2:21-38)
- 4.- Những bác sĩ tìm thờ Chúa ( Ma-thi-ơ 2:1-12)
- 5.- Đi Ai-cập ( Ma-thi-ơ 2:13-23)
- 6.- Viếng đền thờ lúc 12 tuổi ( Lu-ca 2:41-50)
- 7.- Nhận báp-têm ( Ma-thi-ơ 3:13-17)
- 8.- Chịu cám dỗ ( Ma-thi-ơ 4:1-11)
- 9.- Được Giảng Báp-tít giới thiệu ( Giảng 1:29)
- 10.- Tẩy sạch đền thờ lần thứ nhất ( Giảng 2:13-25)
- 11.- Ni-cô-đem tin Chúa ( Giảng 3:1-21)
- 12.- Chọn 12 môn đồ ( Ma-hi-ơ 10:1-4)
- 13.- Giảng Báp-tít bị tù và tử hình ( Ma-thi-ơ 14:1-12)
- 14.- Phi-e-ơ xưng nhận ( Ma-hi-ơ 16:13-20)
- 15.- Chúa hóa hình (Ma-hi-ơ 17:1-13)
- 16.- Vào thành Jerusalem thành công lớn ( Ma-hi-ơ 21:1-11)
- 17.- Khóc cho thành Jerusalem (Ma-hi-ơ 23:37-39; Lu-ca 19:41)
- 18.- Trên phòng cao (Giăng 13-14 )
- 19.- Trong vườn Ghết-sê-ma-nê (Giăng 18:1-11)
- 20.- Bị bắt giam và bị xử (Giăng 18:12-19:15)
- 21.- Bị đóng đinh đến chết trên thập tự giá (Giăng 19:16-18)
- 22.- Sống lại ( Ma-thi-ơ 28:1-7)
- 23.- Hiện ra 10 lần
- 24.- Thăng thiên.

- “ Một chấm một nét”: Một chữ nhỏ nhất của văn tự Hê-bơ-rơ trong bản luật pháp sẽ được ứng nghiệm. Chúa Jêsus gọi Cựu Ước là “ lời Đức Chúa Trời” và “ Kinh Thánh không thể bỏ được” ( Giăng 10:35). Phần còn lại của bài giảng và Tân Ước đều được giải thích theo ý nghĩa này.

- “ Luật truyền khẩu”: a) “ Các người có nghe và nói rằng” ( câu 21): Lời này được dùng 6 lần trong đoạn 5 đề cập đến luật truyền khẩu còn gọi là luật miệng ( Ma-thi-ơ 15:3-6). Luật này không có trong Kinh Thánh. Khi nào Kinh Thánh có ghi thì Chúa Jêsus phán:” Có lời chép rằng” ( 4:4, 6, 7, 10; 11:10; 21:13; 26:24, 31.)

- Chúa Jêsus đề cập vấn đề giải thích sai luật Môi-se mà các văn sĩ và người Pha-ri-si làm, cùng luật truyền khẩu bị thêm vào làm cho lời Chúa sai lệch ( Phục 4:2; Ma-thi-ơ 15:3-6)

b) Luật miệng này phát triển trên 400 năm giữa hai thời kỳ Cựu Ước và Tân Ước, rồi dần dần được ghi trong sách Mishnah.. Sau này lời bình phẩm sách đó được ghi thêm vào lời truyền khẩu gọi là sách Gamara, và cuối cùng là sách Talmud được hoàn tất.

c) Sách Mishnah duy trì và có thẩm quyền ngang bằng sách luật của Kinh Thánh đã được viết trước dù các luật của sách đó có thể không có ghi trong bản luật của Môi-se. Các thầy dạy Kinh Thánh ( Rabbis )nói rằng luật truyền khẩu được Chúa ban cho tại núi Sinai cùng lúc với luật của Môi-se, và được truyền lại bằng lời, từ thế hệ này đến thế hệ kia cho đến khi được thóáy trong bản Mishnah. Bản truyền khẩu này được coi như “ hàng rào chung quanh luật pháp” vì nó được coi như là để bảo vệ người Do-thái khỏi vi phạm luật pháp bằng cách thêm những luật gắt gao, chẳng hạn như cấm dùng tên Chúa cho bất cứ lý do nào,chứ đừng nói đến lấy danh Chúa làm chơi.

d) Trong khi Do-thái giáo và Cơ đốc giáo kính nể Cựu Ước và coi là bản Kinh Thánh chánh, thì bản Mishnah đánh dấu là quyển sách quan trọng của Do-thái giáo cũng như Tân Ước đánh dấu là quan trọng đối với Cơ đốc giáo vậy.

### TÂN ƯỚC ĐỐI VỚI CƠ ĐỐC GIÁO

CỰU ƯỚC \_\_\_\_\_/

### MISHNAH-TALMUDIC ĐỐI VỚI DO THÁI GIÁO

e) Lời truyền khẩu như vậy trở nên quan trọng hơn luật pháp vì được công bố là chính xác và chân thật do sự giải thích bản luật pháp, được như là vị thẩm phán. Chú ý: Điều này cũng giống như trong lịch sử hội thánh lúc mà Martin Luther chống lại những lời truyền khẩu của giáo hội La-mã giữ lúc cải chính. Luther nói” Sola Scriptura”- nghĩa là chỉ có Kinh Thánh mới có thẩm quyền trên hội thánh và người tin Chúa mà thôi.

### NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA SỰ CÔNG BÌNH THẬT

a) “ Nhưng ta phán cùng các người . . . ” ( 5:22) Chúa Jêsus nói bằng thẩm quyền thánh của luật pháp. Dân chúng ngạc nhiên khi nghe Ngài phán theo tư cách của

người có thẩm quyền ( 7:28-29). Còn các thầy dạy luật thì luôn luôn dựa vào các thầy dạy luật khác mà yểm trợ ý của họ.

b) GIẾT NGƯỜI ( 5:21-26 ): Sát nhân là một thái độ khinh thường người khác. "Raca" nghĩa là dấu trống rỗng ( nhục mạ ). - " Giận anh em mình": Sự liên hệ cá nhân được nhận thấy. Không phải mọi sự giận đều bị ngăn cấm ( Matt 3:5 ).

c) TÀ DÂM ( 5:27-30 ): Người Pha-ri-si nói rằng luật cho phép hành động với người đàn bà làm sao cũng được, miễn là đừng có ăn ở ( nhưng luật chính nói rằng chớ phạm tội tà dâm ). Chúa Jê-sus bày tỏ ý của Đức Chúa Trời " Đừng nghĩ đến hành vi bất chính. )

" Hãy chặt tay và móc mắt": Không dụng ý nói nghĩa đen, mà là lời nói khoa trương ( hyperbole ) có ý nói là bỏ sự tà dâm bất chính.

d) LY DỊ ( 5:31-32 ): Luật này chỉ có trong Matt. 5:32; 19:9 và một vài học giả tin rằng luật này không dành cho Cơ đốc nhân, mà cho người Do-thái, theo luật Môi-se. Trong thời kỳ của Chúa Jê-sus, có hai trường phái dạy các thầy giảng luật khác nhau: (1) Trường Hillel: Cho phép ly dị với bất cứ lý do gì ( phái tự do ). (2) Trường Shammai: Ly dị chỉ khi nào có lý do chính yếu ( Phái bảo thủ ).

- Chúa Jê-sus phán: " ngoại trừ trường hợp ngoại tình " . Theo Chúa Jê-sus, có 4 thuyết về ngoại tình: (1) Hành động tà dâm. (2) Sự không chung thủy cứ tiếp tục; (3) Không chung tình giữa lúc hứa hôn ( đối với người Do-thái, hứa hôn là thành hôn.) (4) Cưới bà con gán ( Lê-vi ký 18:6-18).

e) THỀ: ( 5:33-37 ): Người Pha-ri-si nói rằng nếu người thề, thì không hề hấn gì đâu, vì thế họ dùng lời thề để mưu sự nói dối. Chúa Jê-sus phán rằng Đức Chúa Trời chú ý đến lời thề ( câu 34 ), vì thế cứ nói thật để không dùng lời thề. Lời thề có thể dùng trong tòa án mà không mắc tội ( Matt. 26:63-64; Lê vi ký 5:1 ).

f) " MẮT ĐỀN MẮT": ( 5:38-42 ): Trong Xuất Ê-díp-tô ký 21:24 và Lê-vi ký 24:20, Chúa phán rằng nguyên tắc hình phạt là để phù hợp với tội ác, không quá đáng. Đây là luật báo thù để hạn chế sự báo thù và ngăn ngừa sự trả thù quá đáng.

Sự hình phạt được thực hiện do chính quyền trước vị thẩm phán. Người Pha-ri-si dùng luật Cựu Ước để trả thù cá nhân, lợi dụng luật để khích lệ việc hại người khác, chứ không để bảo vệ họ.

Chúa Jê-sus dạy chúng ta yêu người hại mình, đừng tìm cách hại lại họ, điều này trái với điều người Pha-ri-si muốn. Lời Chúa Jê-sus ở đây có liên quan đến sự liên hệ giữa các cá nhân, chứ không liên quan đến chính phủ, mà Đức Chúa Trời cho phép phạt người gian, thưởng người ngay lành, gồm cả hình phạt tử hình ( Rô-ma 13:1-7 ). Chúa Jê-sus không ngăn cấm sự tự vệ ( Lu-ca 22:36).

g) YÊU KẸ THÙ ( 5:43-48 ): " Người có nghe rằng : ' Hãy ghét kẻ thù " ( 5:43 ) Cựu ước chẳng bao giờ bảo ghét kẻ thù. Đây là lời dạy của các nhà giảng kinh ( Những rabbis ). Lê-vi-ký 19:18 bảo phải yêu người lân cận, mà không nói gì về kẻ thù.

" Hãy trọn vẹn " ( 5:48 ) có nghĩa là hãy yêu hoàn toàn mọi người như Chúa yêu mọi người.

### THỰC HIỆN SỰ CÔNG BÌNH:

a) **BỔ THÍ ( 6:1-4 )**: Mệnh lệnh này được ban hành cho tín hữu và có liên quan đến sự mất phần thưởng, chứ không mất sự cứu rỗi. Lời cảnh cáo liên quan đến động cơ. Nếp động cơ là tự làm vinh hiển và ngợi khen thì không có phần thưởng trên thiên đàng. Chúa dùng lời khoa trương ( hyperbole ) trong câu 5:29 ( đừng cho tay trái biết ). Điều này có nghĩa là “ bạn giúp người vì yêu họ hay muốn người ta biết để khen bạn ?”

b) **CẦU NGUYỆN ( 6:5-8 )**: Ý này cũng thuộc về nguyên nhân thúc đẩy. Người giả hình muốn người ta nhìn thấy mình là người tốt. Chúa lại dùng lời khoa trương ( hyperbole ) “ hãy vào phòng riêng ”. Ngài không cấm chúng ta cầu nguyện công cộng, nhưng muốn dạy chúng ta về sự cầu nguyện thật, như là cuộc đối thoại giữa lòng thành thật của mình và sự hiện diện của Thiên Phụ. “ Đừng lặp lại ” có ý muốn nói lặp lại điều giống nhau. Thí dụ: Bánh xe cầu nguyện của đạo Hindu, chuỗi cầu nguyện của đạo Muslim, nhưng Chúa không cấm sự nài nỉ và lặp lại lời khấn cầu ( Xem Gia-cơ 1:5; Matt. 26:44; 2 Cô-rinh-tô 12:8 ).

c) **LỜI CẦU NGUYỆN CHUNG ( 6:9-15 )**: Lời cầu nguyện này trình bày 6 điều: 3 điều đầu tiên cho sự đến của Nước Thiên Đàng; 3 điều sau cho nhu cầu giữa lúc đợi Nước Thiên Đàng đến.

- “ Cha chúng con ”: Lời cầu nguyện được đưa đến Đức Chúa Cha, nghĩa là, người tái sinh rồi mới cầu nguyện như vậy. Chữ “ chúng con ” coi như chúng ta là một phần của gia đình Chúa, không chỉ là những cá nhân trước mặt Chúa mà thôi.

- “ Danh Cha được tôn thánh ”: Nghĩa là “ Nguyện Danh Ngài được thánh ”: Lời này được nói trong lời tiên tri của Ê-xê-chi-ên về Nước Thiên Đàng ( Ê-xê-chi-ên 36:22-32 ). Người Do-thái bất kính danh Chúa trong các dân tộc, nhưng Chúa vẫn hứa đem họ về và ban phước cho họ ( Rô-ma 11:25-27 ).

“ Nước Cha được đến ”: Lời thỉnh cầu cho nước 1,000 năm bình an đến trên đất.

“ Ý Cha được nên, ở đất như ở trời ”: Một lời cầu nguyện khác cho Nước Thiên Đàng đến trên đất.

“ Cho bánh ăn mỗi ngày ”: Cho nhu cầu cần dùng trong khi đợi Nước Thiên Đàng đến.

“ Tha tội chúng tôi ”: Tha mỗi ngày, không phải sự cứu rỗi ( Xem Glăng 13:2-11 đề cập đến sự rửa chân cho môn đồ .)

“ Chớ để chúng con bị cám dỗ ”: Có thể nói: (1) Tội lỗi, hoặc (2) Thời kỳ hoạn nạn ( Khải huyền 3:10; Glê-rê-mi 30:7 là thời kỳ thử thách thế giới. )

“ Giải cứu chúng con khỏi điều ác ”: ( hoặc kẻ ác ); có thể đề cập đến (1) Tội; (2) Trói Satan lại 1,000 năm bình an ( Khải huyền 20:2 ).

d) **KIÊNG ĂN ( 6:16-18 )**: Tín đồ giữ sự kiêng ăn ( người Do-thái đổ tro lên đầu khi kiêng ăn; đổ dầu lên đầu và rửa mặt là cơ hội vui mừng. )

**KẾT LUẬN:** Ma-thi-ơ 6:1-18 là quan trọng cho sự dạy dỗ về phần thưởng. Điều quan trọng cho việc làm của chúng ta là làm sao cho Chúa hài lòng ( Xem I Cô-rinh-tô 3:5-13 ).

#### QUAN ĐIỂM VỀ NGƯỜI CÔNG BÌNH

a) **TÀI SẢN** ( 6:19-24 ): Chúa jêsus không cấm tiết kiệm, đầu tư hay giàu có ( Xem Châm Ngôn 6:6-8; 14:23; 24:3-4; 28:19; 2 Cô-inh-tô 12:14; I Ti-mô-ê 6:17 ): Áp-ra-ham và Gióp đều giàu có . Vấn đề quan trọng là thái độ chúng ta.

“ Nếu mất người ” là hình ảnh của tấm lòng, mà tấm lòng là con mắt của tâm hồn.  
 “ Hai chủ ”: Chủ ở đây là chủ của người nô lệ ( chớ không phải chủ thuê người làm công trả lương. )

b) **VỀ NHỮNG NHU CẦU** ( 6:25-34 ):

- “ Vậy, đừng lo ”: Tin cậy Chúa, Ngài sẽ giúp cho.

- “ Hãy tìm kiếm ”: Động từ ở đây trong thì hiện tại ( present tense ), là một mệnh lệnh. Cứ tiếp tục.

c) **ĐỐI VỚI NGƯỜI KHÁC** ( 7:1-6 ): - Chớ đoán xét người khác với tinh thần xấu, chỉ trích, mà phải đoán xét công bình, xây dựng. Nên nhạy cảm nhiều hơn về tội lỗi của mình, thay vì của kẻ khác.

d) **ĐỐI VỚI CHÚA** ( 7:7-11 ): - Các động từ “ xin, tìm, gõ ” ở thì hiện tại, chỉ sự tiếp tục xin, tìm, gõ cho sự công bình trong đời sống ( 6:33 ) để chỉ người “ nghèo khổ tâm linh ” và “ đói khát công bình. ”

e) **LUẬT VÀNG** ( 7:12 ): Câu này không liên hệ đến đoạn trước, nó biệt lập đối với câu 7:7-11. Câu “ vì vậy ” là câu tóm lược, nhìn lại toàn bài giảng. Đó là câu tóm lược của sự công bình thật, nó là đề tài của cả bài giảng. Luật vàng này là ngọn Everest của cả hệ thống đạo đức.

**LỜI MỜI** ( 7:13-27 ) Bạn cần phải quyết định:

1.- **CỔNG HẸP**: Vào Nước Thiên Đàng qua cổng hẹp của sự ăn năn, tái sinh (Glăng 3:5 ). Cổng hẹp này sẽ thay đổi con người bên trong, tâm và trí con người. Kết quả của sự đòi hỏi này : Chỉ một số ít người đáp ứng lại lời kêu gọi này và họ được cứu. Người ta thích làm điều gì đó cho sinh hoạt tôn giáo, ngoại trừ sự ăn năn. Chú ý về người Pha-ri-si ( Matt. 5:20 )

2.- **CỔNG RỘNG**: Bất cứ điều gì khác hơn sự ăn năn và tái sinh đều là đường dẫn đến địa ngục. Chẳng ai được nhận là công bình dưới mắt Chúa khi chỉ nhờ sự tuân giữ luật pháp ( Rô-ma 3:20 ). Nhiều người sẽ chẳng bao giờ vào Nước Thiên Đàng. Kết luận: Phước cho kẻ có lòng nghèo khổ về tâm linh, vì Nước thiên Đàng huộc về những kẻ ấy.

c.- **TA CHẴNG BAO GIỜ BIẾT NGƯỜI** ( 7:23 ): Chữ “ biết ” ở đây có nghĩa là sự tương quan cá nhân với người nào đó. Những lãnh tụ tôn giáo chưa hề có sự liên hệ tương quan với Chúa Jêsus, cho dù họ làm nhiều điều tôn vinh Ngài. Họ bị từ chối vì họ chẳng bao giờ hay ăn năn, tái sinh và nhận Christ làm Cứu Chúa ( Rô 8:9 ).

## ĐOẠN 13

### NHỮNG ẢN DỤ VỀ NƯỚC THIÊN ĐÀNG

1.- ẢN DỤ: dùng để so sánh giữa chân lý đã có và biết rồi với chân lý chưa biết và chưa thấy.

2.- QUANG CẢNH: a) Nước Thiên Đàng được đề cập đến cho người Do-thái ( 3:2; 4:17; 10:7 )

b) Người Do-thái không đáp ứng lời kêu gọi này và những minh chứng về các điều kiện Nước Thiên Đàng ( 10:23-25; 11:20-24 ).

c) Những lãnh tụ tôn giáo bạo động chống đối Chúa Jêsus ( 12:31 ) bằng cách cho rằng quyền năng của Satan cao hơn của Đức Chúa Trời.

d) “ Cùng ngày đó ” của sự phạm thượng ( 13:1 ), Chúa Jêsus đưa môn đồ Ngài theo, và nói cho họ biết về các ản dụ Nước Thiên Đàng.

3.- NHỮNG “ SỰ MÀU NHIỆM ” CỦA NƯỚC THIÊN ĐÀNG ( 13:11 ):

a) Sự mâu nhiệm là một chân lý chưa được bày tỏ trước kia trong Cựu Ước bây giờ lại tỏ ra.

b) Để ý : những sự mâu nhiệm này Chúa Jêsus chưa bày tỏ ra trước đây, nhưng bây giờ nói ra rằng người Do-thái phủ nhận Ngài.

c) Sự mâu nhiệm quan trọng nhất là Nước Thiên Đàng được dời lại. Thời đại HỘ THÁNH và hoạn nạn ( tribulation ) sẽ ở giữa thời kỳ Do-Thái phủ nhận vị Vua và họ hòa giải cùng Ngài vào thời kỳ cuối hoạn nạn ( Matt. 23:37-39; Rô-ma 11:25 ). Chuyện lúa mì và cỏ lùng 13:24-30, 36-43 bày tỏ sự mâu nhiệm này. )

d) Những sự mâu nhiệm của Nước Thiên Đàng mô tả những điều kiện trên đất giữa hai lần đến của Đấng Christ trong khi Vua vắng mặt. Những ản dụ này không đề cập đến chính Nước Thiên Đàng nhưng là chương trình của Đấng Christ để thực hiện Nước Thiên Đàng ( và chương trình của kẻ thù, tức Satan, để thực hiện Nước giả dối. )

Để ý : chuyện lúa mì và cỏ lùng là để tạo nên hình ảnh con cái Satan ( cỏ lùng ). Những kẻ xấu này không thể bước vào Nước Thiên Đàng được vì Chúa Jêsus thường nói người ta phải được cứu mới vào đó được ( 5:3, 20; 7:21; 18:3 ).

e) Thời kỳ trong những chuyện này là thời đại hiện nay giữa hai lần đến của Chúa Jêsus ( 13:40 ). Khi Đấng Christ trở lại lúc tận cùng thời đại, Ngài sẽ coi “ mùa gặt ” nơi cỏ lùng được gom lại và đốt cháy đi, và lúa mì được gom lại trong kho ( 13:30, 40 ). Sự gom lại trong kho này là những người được cứu vào Nước Thiên Đàng ( 13:43 ), đó là Nước của Đấng Mê-si-a của thời kỳ sắp đến ( Hê 6:5 ): 1,000 năm bình an dưới sự cai trị của Đấng Christ và thánh đồ của Ngài ( Khải 20:4 ).

4.- NHỮNG ĐỀ TÀI CHUNG:

a) Vương quốc Mê-si-a sẽ dời lại vô hạn định.

b) Trong thời kỳ dời lại này, Con Người và Satan sẽ có sự tranh đấu để dành lấy linh hồn loài người. Hai nhân vật này là hình ảnh chính trong những ản dụ.

c) Những ản dụ nói nhiều về sách lược giữa hai vị vua.

d) Bốn ẩn dụ đầu tiên bày tỏ sự trái ngược giữa chương trình của hai vị vua và sự thất bại thấy rõ của Con Người và sự thành công thấy rõ của Satan.

***Người gieo giống***: Sự trở ngại của loại đất, chim ăn hạt giống, chỉ có một phần của những hạt giống được kết quả mà thôi.

***Cỏ lùng***: Kẻ thù làm tàn hại cánh đồng lúa bằng loại hạt giống khác với lúa mì gieo ban đêm.

***Hạt cải***: Cây nhỏ thành cây to cho nơi trú ẩn và che chở cho sự xấu.

***Men***: Gây ra sự tệt hại và hủy diệt.

***Kết luận***: Thời đại hiện tại có đặc tính sự xấu lấn áp sự tốt. Điều này cũng rất quan trọng đối với môn đồ là những người đang gặp sự chống đối trong sứ mệnh truyền giáo đối với Do-thái.

e) Ba ẩn dụ cuối cùng dùng để nói với môn đồ chớ không phải đám đông dân chúng ( 5:35-52 ).

Những ẩn dụ này bày tỏ những sinh hoạt của Con Người và sự chiến thắng của Ngài đối với kẻ thù, thay vì sự thành công của kẻ thù mô tả trong những ẩn dụ trước đây.

***Của Báu Chôn Dấu***: Chúa Jêsus đến cánh đồng ( tức thế gian ) và đem lại kho tàng chôn dấu ( tức Nước Thiên Đàng ) trong một thời gian. Ngài trị bệnh, cứu kẻ chết, nuôi người đói, dạy họ chân lý kỳ diệu. Những người Do-thái không sẵn sàng cho Nước đó. Chúa Jêsus lại chôn dấu kho tàng, đi trong niềm vui và mua cánh đồng trên thập tự giá ở Gô-tô-tha ( Hê 12:2 ). Một ngày kia Ngài sẽ trở lại cánh đồng ( tức thế gian ) và đem lại kho tàng vĩnh cửu. Kho tàng là Nước Thiên Đàng và mọi phước hạnh của nó ( Ê-sai 33:5-61; 35:1-10; 65:18-25; 11:6-10 ).

Đề ý: Kẻ thù không thành công trên thế gian, mà kho tàng vẫn giữ an toàn. Kẻ thù chẳng bao giờ làm hư hại và chiếm hữu kho tàng, vì kho tàng thuộc về Con Người là Đấng đã mua cánh đồng. Đề ý là kho tàng bây giờ chưa nhận rõ ra hay nhìn thấy bề ngoài như cây lớn trong ẩn dụ hạt cải.

***Hạt Ngọc***: Chúa Jêsus chết chẳng những để lấy kho tàng ( quyền để cai trị Nước Thiên Đàng: Thi-thiên đoạn 2 ), còn để cho mọi cá nhân ( Gal. 2:20; I Cô 15:20 ) Hạt châu ngọc cũng dạy rằng kẻ được mua bởi Chúa Jêsus không thể bị Satan phá hoại. Sự trong sạch của hạt ngọc phản ảnh mạnh mẽ đối với sự hư hoại của Hội Thánh có chất men trong ẩn dụ trước đó.

***Lưới cá***: Vào cuối thời đại hiện tại, sẽ có sự phân rẽ giữa cá tốt và cá xấu. Không có sự phân rẽ vào lúc Chúa Jêsus đến lần đầu theo như môn đồ và Giảng Báp-tít mong ước. Lưới cá có thể ám chỉ về sự ảnh hưởng của phúc âm trong thế giới trong thời đại này. Nó sẽ hấp dẫn cá tốt lẫn cá xấu. Lưới cá được đặt xuống biển của đời sống con người nơi đó thu hút mọi loại cá, không chỉ cá tốt mà thôi.

**KẾT LUẬN**: Những ẩn dụ chuẩn bị cho môn đồ thi hành sứ mạng tương lai trong thế gian. Những ẩn dụ giúp họ hiểu sự chống đối Chúa Jêsus ( Matt. 12 ) và sự chống đối của quốc gia mà họ đã gặp trước kia ( Matt. 10-11 ). Chắc chắn là họ đã

bị nhục chí và lẫn lộn. Chúa Jêsus nói cho môn đồ biết về sách lược và sự thành công của kẻ thù, và quan trọng hơn nữa, sự chiến thắng tối hậu của Con Người và chương trình của Ngài. Chúa khuyên môn đồ đừng nản lòng vì số người từ chối tin lành, nhưng chú ý nơi giá trị tuyệt vời mà Chúa đặt nơi mỗi cá nhân ăn năn ( hạt ngọc ). Nên được khích lệ bởi sự cứu rỗi của hạt ngọc có giá trị lớn lao. Chúa Jêsus ban mọi phước hạnh cho hạt ngọc đó .

#### 5.- NHỮNG CHI TIẾT VỀ CÁC ẨN DỤ CỦA NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI:

a) ***Người gieo giống*** : Người gieo: Đấng Christ.

- Thời gian : Từ sự đến lần thứ nhất của Christ và tiếp tục cho một thời gian không hạn định.

- Chân lý chính: tin lành sẽ bị từ chối bởi số đông người ( Nhiều môn đồ không thích điều Chúa dạy: Giăng 6:60-66 ).

- Hạt giống: Lời của Nước Đức Chúa Trời ( 3:2; 4:17; Mác 4:14 )

- 4 loại đất: 4 điều kiện của lòng người: (1) Đất trên đường: Lòng khép kín, cứng cõi; (2) Đất đá sỏi: Lòng nông cạn; (3) Đất có gai góc: Lòng ham mê thế gian; (4) Đất tốt: Lòng rộng mở, hiểu biết.

- Lòng cứng cõi: do tội lỗi tạo ra, tâm trí khép kín, không thích lời Chúa, không màn đến Nước Thiên Đàng.

***Áp dụng***: Hãy gieo lời Chúa cách dư dật vào nhiều tấm lòng, vẫn biết rằng sẽ có nhiều người từ chối, nhưng cũng ý thức rằng Chúa sẽ chuẩn bị cẩn thận những tấm lòng chấp nhận lời làm chứng của bạn.

***Cỏ lùng***: Người gieo giống lúa mì: Đấng Christ; cánh đồng: Thế gian; giống tốt: Con cái Nước Đức Chúa Trời; cỏ lùng: con cái Satan; kẻ thù: ma quỷ.

***Chân lý bày tỏ***: Sự phân rẽ giữa người công bình và kẻ gian ác được dời lại, và như thế Nước Chúa bị dời lại. Để ý: ẩn dụ này chỉ có trong Ma-thi-ơ và hợp với mục đích để giải thích với người Do-thái rằng nước của dân tộc họ bị dời lại. Con cái của Nước Chúa ở trong thế gian. Điều này khác với đoạn Kinh Thánh chỉ đề cập Nước Chúa cho Do-thái mà thôi trong Matt. 10:5-6. Thời đại hiện tại của sự chuẩn bị Nước Chúa sẽ được đánh dấu do sự gieo giống xấu của Satan. Hạt giống của nó trông giống hạt lúa mì, mà Chúa Jêsus phán rằng đừng phân rẽ chúng nó ra bây giờ, bởi vì không biết chắc ai tốt, ai xấu. Satan sẽ làm hại công việc của Chúa bằng những kẻ bất chước tôn giáo ( cỏ lùng ) làm nhiều người lẫn lộn. Satan là kẻ bất chước ( Ê-sai 14:14; Matt. 23:5 ). Satan làm việc ban đêm để khỏi bị trông thấy và khỏi bị chống đối, nó vô hình. Công việc chính của nó là thuyết phục thế giới rằng không có Satan.

***Hạt cải***: Người gieo: Đấng Christ. Hạt cải: Công việc của Christ bắt đầu được nhìn thấy trên căn bản sự khiêm nhường và phục vụ người khác ( hạt cải loại nhỏ nhất ). Trở nên cây cối: Vĩ đại và có quyền năng chính trị ( Đan. 4:10 ). Chim đậu: cây hấp dẫn vật bất khiết hành động như người của Satan.

**Chân Lý bày Tỏ** : Satan sẽ làm hại công việc của Chúa Jêsus, nó khiến cho Hội Thánh dần dần trở thành cơ quan chính trị thế giới ( như Ba-by-lôn: Matt. 18:4; 20:21, 25; 21:23). Những người lãnh đạo Hội Thánh sẽ không nhìn thấy sứ mạng thật của họ để phục vụ người khác và làm sự công bình trong thế gian. Để ý: Có sự khác nhau rất lớn giữa của báu chôn giấu và sự lớn lên của cây nhìn thấy được. Của báu chỉ thấy được do đức tin, còn cây được nhìn thấy do mắt trần.

#### ĐOẠN 14

1.- GIĂNG BÁP-TÍT BỊ CHÉM ĐẦU: ( 1-12 ):

a) Herod the Tetrach, một trong những đứa con trai của vua Herod the Great, người đã giết trẻ con tại Betlehem và cai trị cả xứ Palestine theo lệnh của đế quốc La-mã. Tetrach cai trị vùng Ga-li-lê và Perea từ 4 B.C.- 39 A.D. Ông ta cũng là vị vua Herod đã xử Chúa Jêsus ( Lu-ca 23:7-12 ).

b) Con gái Herodias: Theo sử gia Josephus, tên nàng là Salome.

2.- CHÚA JÊSUS CHO 5,000 NGƯỜI ĂN ( 13-21 ):

a) Sau khi Giăng Báp-tít chết, Chúa Jêsus huấn luyện môn đồ Ngài.

b) Chúa không cho họ ăn trực tiếp, mà muốn dùng môn đồ cho họ ăn, và dạy họ rằng sau khi Ngài rời họ rồi, họ phải lo đời sống tâm linh cho dân chúng.

c) Câu chuyện này là phép lạ duy nhất được cả 4 sách phúc âm ghi.

3.- CHÚA JÊSUS ĐI BỘ TRÊN MẶT NƯỚC ( 22-25 ):

a) Chỉ có Chúa Jêsus và Phi-e-rơ là hai người duy nhất đi bộ trên mặt nước trong lịch sử.

b) Môn đồ thờ lạy Ngài ( cho đạo Chứng Nhân Giê-hô-va biết là Chúa Jêsus chấp nhận cho môn đồ thờ lạy Ngài, Giăng 20:28 ).

#### ĐOẠN 15

1.- MỘT ĐÀN BÀ DÂN NGOẠI NHẬN CHÚA JÊSUS LÀ VUA ( 21-28 )

a) Tyre và Sidon là hai thành phố dân ngoại bang trên bờ biển Địa Trung Hải.

b) Người này nhận Ngài là Đấng Mê-si-a khi nói:” Chúa, con vua Đa-vít” ( câu 22)

c) Đức tin của nàng khác với những người lãnh đạo Do-thái, họ không nhận Chúa Jêsus là vua.

2.- CHÚA JÊSUS CHO 4,000 NGƯỜI ĂN ( 29-39 ):

a) Trong Mác 7:31-37, Chúa Jêsus có lẽ đang ở trong đất dân ngoại ( Decapolis ) bờ biển phía đông của Ga-li-lê.

b) Dân chúng ngợi khen ”Đức Chúa Trời của Do-thái.”

c) Chúa Jêsus tỏ ra phước lành trên dân ngoại khi Ngài lập nước Ngài trên đất.

## ĐOẠN 16

### 1.- CẢNH CÁO CHỐNG LẠI SỰ DẠY DỠ SAI LẦM ( 1-12 ):

a) Chúa Jêsus coi sự dạy dỗ sai lầm của người Pha-ri-si như là “ men”. Men được dùng như biểu tượng của sự xấu xa, hư hoại. Giáo lý sai lầm của họ truyền ra trong dân gian như men làm bột dậy lên.

b) Hỏi một dấu lạ từ trời có nghĩa là họ phủ nhận mọi dấu lạ mà Chúa Jêsus đã thực hiện từ trước, họ muốn một dấu lạ khác hơn là sự chữa bệnh.

### 2.- NHÌN RA CHÚA JÊSUS LÀ ĐÁNG MÊ-SI-A ( 13-16 ):

a) Vùng Sê-sa-rê Phi-líp ( Caesarea Philippi ): Thành phố này ở về phía bắc của Ga-li-lê, gần ngọn Hết-môn (Hermon ). Thành phố này nguyên trước kia có tên là Paneas ( tên thời đại này là Banias ) để vinh danh vị thần Hy-lạp tên là Pan.

b) Ngọn Hết-môn: Tên có nghĩa là “ núi thiêng liêng “. Ngọn này cao nhất ở Palestine ( 9,000 feet khỏi mặt nước biển Địa Trung Hải ). Tuyết của ngọn này cũng là nguồn nước cho sông Giô-đanh. Nó đánh dấu biên giới phía bắc của sự chiến thắng do Giô-suê tạo ra. Theo sách Các Quan Xét 3:3, nó được gọi là “ Núi Hết Môn Ba-Anh “ vì họ thờ thần Ba-Anh tại đây. Nhiều thần ngoại bang được thờ lạy tại đây, và còn dấu tích. Đó là lý do Chúa Jêsus hỏi môn đồ Ngài câu “ Người ta nói Con Người là ai?”. Phi-e-rơ trả lời rằng:” Ngài là Đấng Mê-si-a, con Đức Chúa Trời hằng sống.” Ngay sau cuộc đàm thoại này với các môn đồ Ngài, Chúa Jêsus đưa họ lên núi để hóa hình ( 17:1 ) để họ chứng kiến vinh quang Ngài. Nhiều người tin rằng sự hóa hình xảy ra trên ngọn núi Hết-môn, nơi đó hợp với việc Ngài bày tỏ ra sự vinh hiển của Đức Chúa Trời của Do-thái.

c) Sự xưng nhận của Phi-e-rơ: Khi xưng ra như vậy, Phi-e-rơ đã xác nhận Chúa Jêsus là: (1) Đấng Christ ( Mê-si-a ), đấng đã được hứa trong Kinh Thánh Cựu Ước như là Chúa Cứu Thế của Do-thái. (2) Đức Chúa Trời: Phi-e-rơ nhận thân tính của Chúa Jêsus như là con của Đức Chúa Trời hằng sống.

d) Đá: “ Người là Phi-e-rơ ( Chử Hy-lạp là petros, nam giống: masculine ) và Ta sẽ lập Hội Thánh Ta trên đá này ( Chử Hy-lạp là petra, nữ giống: feminine ).

Có 3 thuyết về “ đá “ là gì, là ai:

(1) Là chính Đức Chúa Jêsus Christ: a) Phao-lô nói ( I Cô 3:11 ); b) Ê-sai nói ( Ê-sai 28:16; 26:4 ); c) Sáng thế ký 49:24; Phục 32:4; 2 Sam 22:2; Thi-thiên 92:15; Dan 2:34.

(2) Là Phi-e-rơ: Thuyết của Công Giáo La-mã, Chúa Jêsus đặt Phi-e-rơ là vị lãnh đạo Hội Thánh. Nhiều nhóm cải chính cũng dùng Ê-phê-sô 2:20 và Khải huyền 21:14 để chỉ hội thánh được xây trên nền tảng các sứ đồ và tiên tri. Những người cải chính nói rằng Phi-e-rơ chỉ là một đại diện duy nhất cho cả nền tảng sứ đồ và không phải nền tảng, thẩm quyền tuyệt đối.

(3) Là sự xưng nhận của Phi-e-rơ: Đá là sự thật bày tỏ bởi Phi-e-rơ rằng Christ là Đấng Mê-si-a và là Đức Chúa Trời. Thuyết này rộng lớn đủ để kết luận thuyết (1) nhấn mạnh thân vị của Christ rồi.

e) “ NHỮNG CỔNG CỦA ÂM PHỦ ”: Đối với người Do-thái, câu này chỉ sự chết ( Gióp 17:16 ). Chúa Jêsus muốn nói rằng sự chết của Ngài sẽ không cản sự thiết lập Hội Thánh Ngài. Ngài trông đợi lúc Ngài sống lại ( để ý câu 21 yểm trợ cho ý này.)

f) “ CHÌA KHÓA CỦA NƯỚC THIÊN ĐÀNG ”: Những chìa khóa là biểu tượng thẩm quyền của chính phủ. “ Nước Thiên Đàng ” là “Nước của Mê-si-a ” ( 1,000 năm cai trị của Đấng Christ trên đất ), và không phải là Hội Thánh.

g) “ CỘT VÀ MỞ ”: Những danh từ do các thầy dạy luật dùng chỉ bị cấm làm ( “cột” ) và điều được phép làm ( “ mở ” ); có nghĩa là hễ bị cột là không được làm gì cả, và được mở như là có sự tự do hoặc được phép làm điều gì đó.

Cột và mở ở đây không có liên quan gì đến sự tha tội, nhưng để thực hiện thẩm quyền của chính phủ của Phi-e-rơ trong nước Chúa Jêsus Christ.

Câu này là một lời hứa cho Phi-e-rơ có thẩm quyền và chức vị trong nước 1.000 năm. Trong thời kỳ đó, ông ấy, trong khi thừa hành trách nhiệm xét xử, sẽ có sự soi dẫn của Chúa mà xét cách công bình ( câu 19 ). Đọc Matt. 19:27-28 để biết Chúa Jêsus hứa rằng Phi-e-rơ và các sứ đồ có một vị trí với thẩm quyền rộng lớn trong nước của Đấng Mê-si-a “ xét xử 12 chi phái Y-sơ-ra-ên.”

“Cột ” và “mở” còn được hiểu như là truyền danh Chúa cho thế nhân.

h) “ ĐỪNG NÓI LẠI ”: Chúa Jêsus căn dặn môn đồ đừng nói lại lời Phi-e-rơ về thần tính và sự cai trị của Đấng Mê-si-a, vì nó sẽ có sự cách mạng chống lại La-mã gây nên do người Do-thái, vì họ đang mong đợi có một nhà chí sĩ cách mạng chính trị, một Mê-si-a lãnh đạo họ chống chính quyền La-mã. Việc này sau này xảy ra vào năm 130 A.D. khi Bar Cochba tự tuyên bố là Đấng Mê-si-a lãnh đạo cuộc nổi loạn chống La-mã. Có 600,000 người Do-thái chết và số còn lại bị đui ra khỏi xứ, tản lạc khắp nơi trên thế giới.

i) “ THẤY CON NGƯỜI ĐẾN TRONG NƯỚC NGÀI ”: Điều này xảy ra trong câu chuyện Chúa hóa hình, 6 ngày sau đó ( Phi-e-rơ có nhắc lại trong 2 Phi-e-rơ 1:16 ).

## ĐOẠN 17

1.- SỰ VINH HIỂN CỦA VUA ĐƯỢC BÀY TỎ ( 1-13 ): Hóa hình là :

(1) Một sự bày tỏ sự vinh hiển của Con Đức Chúa Trời như khi Ngài ở trong Nước Ngài trong một ngày nào đó ( 16:28). (2) Một sự xác nhận cho các môn đồ theo sự xưng nhận của Phi-e-rơ rằng Jêsus là Mê-si-a và là Con Đức Chúa Trời ( 16:16 ). (3) Một sự khích lệ cho môn đồ Ngài là những kẻ sẽ được thấy vinh hiển trong Nước Thiên Đàng tương lai sau khi họ được cho biết rằng Ngài sẽ chết ( 16:21).

- “ SAU 6 NGÀY ”: Điều này xảy ra ngay sau khi Chúa Jêsus hứa trong câu 16:28 rằng một số môn đồ sẽ thấy Con Người đến trong Nước Ngài. Lu-ca nói 8 ngày ( Lu-ca 9:28 ) là gồm có ngày bắt đầu và ngày chấm dứt, còn 6 ngày là những ngày ở giữa.

- “ NGÀI HÓA HÌNH ”: Có nghĩa là thay đổi hình ảnh. Phao-lô cho chúng ta biết rằng chúng ta cũng sẽ được thay đổi như Chúa Jêsus vậy ( 2 Cô 3:18 ).

- “ MÔI-SE VÀ Ê-LI ”: Lu-ca 9:31 nói rằng hai người nói với Chúa Jê-sus về sự chết sắp đến của Ngài: (1) Môi-se: Với luật pháp; (2) Ê-li: Hăng hái về luật pháp hơn bất cứ tiên tri nào khác. Cả hai vị này đại diện cho luật pháp và các tiên tri.

- CÔNG DÂN THIÊN ĐÀNG: Môi-se, Ê-li và các môn đồ cho thấy loại người có mặt trong Nước Thiên Đàng một ngày nào đó: ( 1) Môn đồ: cho những người có mặt trong thân thể con người, nghĩa là lúc còn sống; (2) Môi-se: Cho những người đã được cứu, dù đã chết rồi, và sẽ sống lại để cùng Đấng Christ vào Nước Thiên Đàng ( Khải 19:14); (3) Ê-li: Cho những người sẽ không chết mà được cứu khi Chúa Jê-sus đến trong không trung ( I Tê 4:17 ).

#### ĐOẠN 18

1.- SỰ KHIÊM NHƯỜNG ( 18:1-35 ): Những ai có tinh thần khiêm nhường lúc còn phục vụ Chúa trên đất sẽ làm chức lớn trong Nước Thiên Đàng. Thật vậy, sự khiêm nhường là điều cần có cho sự cứu rỗi ( Mác 9:35 ).

1.- SỰ THA THỨ ( 18:21-35 ): 70 lần 7 có nghĩa là vô giới hạn: Tha thứ mãi.

#### ĐOẠN 19

1.- SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI ( 19:13-26 ): Người nhà giàu này tin rằng sự sống đời đời có được là do làm điều lành. Chúa Jê-sus sửa ông ta rằng:” Chỉ có một Đấng làm điều lành mà thôi.” Chúa thật sự muốn nói rằng nếu ông ta vâng lời tất cả 10 điều răn của Chúa cách trọn vẹn thì ông ta có sự sống đời đời. Người ăn năn tội là người tự nhận mình không thể nào vâng theo hết cả điều răn được, còn ông ta thì không nghĩ như vậy. Do đó, Chúa Jê-sus mới bảo ông ta đi về bán hết gia tài mà bố thí cho người nghèo, ông ta lại không chịu vâng lời, vì tham lam. Đối với ông ta, thà ở trần gian mà giàu, còn hơn được ở thiên đàng mà nghèo ở trần gian.

2.- “ AI MỚI ĐƯỢC CỨU ? ” : Câu hỏi này do môn đồ Chúa Jê-sus nêu lên, vì họ quan niệm rằng của cải là dấu hiệu Chúa ban phước cho người tốt trên đất. Người giàu có là người được Chúa ban phước cho mà không vào Nước Thiên Đàng thì ai mới được vào ?

#### ĐOẠN 20

1.- PHỤC VỤ VÀ PHẦN THƯỞNG ( 19:27-20:16 )

- PHẦN THƯỞNG: Vì Phi-e-rơ thắc mắc là ông đã bỏ mọi sự để theo Chúa thì sẽ nhận được gì. Chúa Jê-sus bảo cho biết chức vụ trong Nước Thiên Đàng là như dưới đây:

a) “ MUÔN VẬT ĐỔI MỚI ”: có nghĩa là nước của Đấng Mê-si-a, với sự tái sinh, làm lại những sự vật, và điều thuộc tâm linh ( Ê-sai 2:3; 4:2-4 ), chính trị ( Ê-sai 2:4; 11:1-5, 10-11; 32:16-18 ), địa lý và những sự thuộc thể chất ( Ê-sai 2:2; 4:5-6; 11:6-9; 35:1-2 ). Đoạn, Chúa Jê-sus sẽ ngồi trên ngai vinh hiển ( Matt. 25:31; Khải 22:1 ).

b) “ ĐÀU VÀ CUỐI ”: Những người như các môn đồ đã từ bỏ mọi sự và coi như những kẻ cuối của thế gian này sẽ là những người đứng đầu trong Nước Thiên Đàng. Trái lại, những kẻ có mọi sự, được coi như là đứng đầu trong trần gian bây giờ một ngày kia sẽ đứng cuối.

c) “ NHỮNG CÔNG NHÂN TRONG VƯỜN NHO ”: ( 20:1-16 ) Vì câu hỏi của Phi-e-rơ cho nên mới có ẩn dụ này: (1) Sự quăng đạ của Chúa Jê-sus trong việc phân phối phần thưởng là vượt quá mọi sự suy tưởng của chúng ta ! Chúng ta khỏi cần có những contract với Chúa; (2) Chúa phân phối phần thưởng là căn cứ vào sự trung tín đối với những cơ hội Chúa ban cho để phục vụ Ngài ( có rất nhiều người không được ai thuê trong câu số 7.)

2.- THAM VỌNG ( 20:20-28 ) : Hai con trai Xê-bê-đê là Gia-cơ và Glăng. Chúa Jê-sus sửa đổi ý tưởng sai lầm của môn đồ Ngài về việc làm lớn trong Nước Thiên Đàng , chứ không phải về tính chất của Nước Thiên Đàng.

- “UỐNG CHÉN ”: Có nghĩa là kinh nghiệm sự thương khó. Chúa muốn nói đến sự thương khó của Chúa Jê-sus và việc tử vì đạo của Gia-cơ sau này ( Công vụ 12:1-2 ). Glăng nghĩ cũng sẽ phải chết vì đạo.

- “LÀM LỚN TRONG NƯỚC THIÊN ĐÀNG ” ( câu 26-27 ): tùy thuộc vào sự làm đầy tớ cho người khác.

3.- VỊ VUA ĐƯỢC NHẬN RA ( 20:29-34 ): Nước Do-thái mù tâm linh, nhưng những người mù này có thể nhìn thấy sự thuộc về tâm linh, vì họ biết Chúa Jê-sus là “ Con Đa-vít” ( câu 31 ), một danh hiệu của Đấng Mê-si-a. Đây là phép lạ cuối của Chúa Jê-sus.

CHÚ Ý: Mác và Lu-ca thuật câu chuyện này với vẻ khác. Họ cho biết chỉ có một người mù. Mác cho tên là Ba-ti-mê. Ma-thi-ơ và Mác cho biết sự chữa bệnh xảy ra khi Chúa Jê-sus rời thành Giê-ri-cô, trong khi Lu-ca lại nói rằng Chúa Jê-sus đi đến thành Giê-ri-cô.

GIẢI THÍCH: Thật ra có 2 người, nhưng Ba-ti-mê được chú ý hơn. Có 2 thành Giê-ri-cô, thành cũ và thành mới. Chúa Jê-sus rời thành Giê-ri-cô cũ ( Ma-thi-ơ và Mác ) và đi đến thành Giê-ri-cô mới ( Lu-ca ) khi câu chuyện xảy ra.

### ĐOẠN 21-23

1.- SỰ VÀO THÀNH CÁCH ĐẮC THẮNG ( 21:1-11 )

a) Ngài vào thành để tỏ cho thấy Ngài thật là Vua của dân Do-thái. Lần này Ngài vào thành cách lộ liễu, công khai, khác hơn những lần trước trong chức vụ, đôi khi Ngài lẩn tránh khỏi thành phố và những lãnh tụ Do-thái. Những lần trước, Ngài dạy môn đồ đừng cho người ta biết Ngài là ai ( 16:20 ); nhưng bây giờ, Ngài bảo họ nói thẳng với chủ lừa rằng: “ Chúa cần nó !” ( 21:3)

b) Khi cưỡi lừa, Ngài đã làm cho ứng nghiệm lời tiên tri của Xa-cha-ri 9:9 ( câu 4-5 ). Những chữ “ kìa vua các người ” ( câu 5 ) là đề tài của phúc âm này đối với

người Do-thái. Nên nhớ Ma-thi-ơ bắt đầu sách này với câu hỏi của những bác sĩ “ Vua dân Giu-đa mới sinh tại đâu ?” ( 2:2 ).

c) Nên để ý rằng lần đến đầu tiên của vị Vua là ở trên lưng con lừa cách khiêm nhường, nhưng khi Ngài trở lại để cai trị thì đến trên lưng con ngựa bạch như một vị vua chiến thắng vinh quang ( Khải 19:11 ).

d) Tuần lễ thứ 70 được ứng nghiệm: Lời tiên tri của Đa-ni-ên về sự đến của Đấng Mê-si-a sau 69 tuần được ứng nghiệm chính xác vào ngày này ( Đa-ni-ên 9:25 ), Lu-ca cho chúng ta biết rằng Chúa Jê-sus khóc về thành Jerusalem khi Ngài đến thành và phán rằng:” Ước gì người biết ngày nay sẽ đem sự bình an đến cho các người ” ( Lu-ca 19:42 ), có lẽ đề cập đến lời tiên tri của Đa-ni-ên về sự Đấng Mê-si-a đến trong ngày đó.

## 2.- SỰ TẨY SẠCH ĐỀN THỜ ( 21;12-17 ):

a) Đây là lần thứ nhì Chúa Jê-sus tẩy sạch đền thờ. Lần thứ nhất theo Giăng 2:4-16 khi Chúa Jê-sus mới bắt đầu thi hành chức vụ. Đền thờ lúc này đầy dẫy sự mua bán xấu xa. Những người mua bán không cho dân dùng tiền bạc thường ngày của họ để mua thú vật dâng của tế lễ, nhưng đổi theo tiền của đền thờ trước, rồi mới dùng tiền đền thờ để mua thú vật theo giá cất cỗ.

## DÂN DO THÁI PHỦ NHẬN VỊ VUA

### 1.- CÂY VÀ HÉO ( 21:18-22 ):

a) Ma-thi-ơ trình bày dân Do-thái phủ nhận vị vua bằng hình ảnh cây vả héo.

b) Cây vả là biểu tượng của Do-thái ( Ô-sê 9:10; Na-hum 3:12 ). Cây vả không trái là hình ảnh của những người lãnh đạo Do-thái lúc này: lừa dối và đạo đức giả. Chúa tuyên bố sẽ có sự trừng phạt trên họ. Đây là phép lạ duy nhất về sự hình phạt mà Chúa Jê-sus thực hiện. Chúa chứng tỏ sự hình phạt dành cho những thế hệ tương lai của Do-thái, họ sẽ chẳng thấy Nước Thiên Đàng, nếu không thay đổi.

c) Chúa Jê-sus cùng dùng câu chuyện này để dạy môn đồ bài học về đức tin: Người Do-thái không chấp nhận Chúa Jê-sus vì họ không tin Ngài.

### 2.- ĐỐI VỚI NHỮNG LÃNH TỰ DO-THÁI (21:22-46 ):

a) Chuyện hai người con trai ( 21:28-32): Nói về đức độ của những lãnh tụ tôn giáo chỉ là giả hình ( đứa con nói mà không làm ), còn những kẻ bị họ khinh khi như người thu thuế, gái làng chơi nói “ sẽ không làm”, nhưng sau thì ăn năn.

b) Chuyện những kẻ làm vườn độc ác ( 21:33-46 ): Nói về kết quả hành động của những lãnh tụ Do-thái. Vườn nho chỉ về Nước Thiên Đàng ( 43 ). Nước Thiên Đàng sẽ không dành cho họ, mà cho những người có cộng tác làm cho có kết quả tốt ( 43 ), tức một dân tộc Do-thái biết ăn năn và tái sinh. ( Xem Mi-chê 4:6-8 ). “ Nước khác “không phải là dân ngoại, vì giao ước của Chúa đối với Do-thái vẫn không thay đổi ( Xem Giê-rê-mi 33:24-26 và Rô-ma 9 đến 11 ). Nhiều người tưởng lầm rằng Matt. 24: 43 dạy rằng Do-thái đã mất vị trí đầu tiên của nó trong nước tương lai.

c) Chuyện tiệc cưới ( 22:1-14 ): Chuyện này bày tỏ sự hình phạt của Chúa đối với hành động của những lãnh tụ. Chúa Jê-sus và cả người Do-thái nêu hình ảnh vương quốc theo danh từ một bữa tiệc ( Matt. 8:11). Có 3 lần vị vua mời ( Vua là Đức chúa Cha ). Lần mời đầu tiên không được ghi, nhưng muốn chỉ “ đã được mời” ( câu 3 ). (1) Lần thứ nhất: Sự chuẩn bị của Cự Uớc; (2) Lần thứ nhì: Giảng và Chúa Jê-sus; (3) Lần thứ ba: Các sứ đồ ( Công vụ 3:12-26 ). Lần kêu gọi cuối là cho dân ngoại bang, sau khi vị Vua đốt cháy thành phố của những người từ chối những lần mời đầu tiên ( đốt cháy Jerusalem do quân La-mã làm vào năm 70 A.D. )

Chuyện này cũng dạy rằng Chúa đã cung cấp phương tiện bước vào Nước Thiên Đàng ( áo cưới ). Có lẽ chiếc áo ( câu 11-12 ) tượng trưng cho sự công bình, sự cứu rỗi mà Chúa đã chobắt cứ ai chịu đáp ứng lại bằng đức tin ( Sáng 3:21; Ê-sai 61:10; Khải 6:11 ). Vào Nước Thiên Đàng là trách nhiệm cá nhân, chứ không phải tập thể.

d) Đóng thuế cho Sê-sa ( 22:15-22): Đảng Hê-rốt và nhóm biệt lập Pha-ri-si chống nhau, nhưng lần này cả hai lại hợp tác với nhau nhằm mục đích chống Chúa Jê-sus Christ. Những lãnh tụ cố tình muốn cho dân chúng thấy Chúa Jê-sus theo La-mã để cáo tội Ngài. Câu trả lời của Chúa Jê-sus cho thấy Chúa rất khôn ngoan, và đối đáp nhanh chóng, để họ không thể hại Chúa cách nhỏ nhen như vậy được. Câu trả lời: “ Cái gì của Sê-sa, hãy trả lại cho Sê-sa”: Nghĩa là, đồng tiền của Sê-sa, thì giữ làm gì, trả lại cho đế quốc ( dĩ nhiên là đóng thuế, mà không bị bắt bẻ ). Như cơ hội này, Chúa nói:” Còn cái gì của Đức Chúa Trời, hãy trả lại cho Đức Chúa Trời.” Ý Chúa muốn dạy họ rằng họ phải trả chính họ cho Chúa, vì Chúa là Đấng Tạo Hóa, đã tạo họ ra trên đời, họ mang hình ảnh của Chúa ( Sáng thế ký 1:27 ).

## ĐOẠN 24-25

### BÀI GIẢNG TRÊN NÚI Ô-LI-VE: VỊ VUA SẼ TRỞ LẠI

1.- QUANG CẢNH ( câu 1-3): Chúa Jê-sus nói cho biết trước sự tàn phá Jerusalem ( ứng nghiệm vào năm 70 A.D. do đại tướng La-mã tên Titus chỉ huy .)

2.- HAI CÂU HỎI ( câu 3 ): (1) Chừng nào việc Chúa nói đó sẽ xảy ra ? ( Khi nào đền thờ mới bị phá hủy ? ) (2) Sẽ có dấu hiệu gì về sự Chúa đến và tận thế ?

Những câu hỏi này của môn đồ có liên quan đến đền thờ, thành phố Jerusalem và sự đến của Chúa Jê-sus để lập vương quốc cho người Do-thái ( nhớ câu hỏi trong Công vụ 1:6 ). Những câu hỏi này của họ đã nói liền biến cố phá đền thờ tại Jerusalem và sự Chúa Jê-sus đến. Họ đang nghĩ đến Xa-cha-ri 14:1-2 là hình ảnh của thời kỳ cuối cùng của đại nạn khi Do-thái bị Anti-Christ tấn công ( Đan 9:27 )

3.- CÂU TRẢ LỜI CỦA CHÚA JÊ-SUS ( câu 4 ):

(1) Ma-thi-ơ chỉ ghi lại câu trả lời của Chúa Jê-sus cho câu thứ 2: Dấu hiệu của sự Chúa đến và tận thế.

(2) Lu-ca ghi lại câu trả lời cho 2 câu hỏi, nhưng giống như Ma-thi-ơ, ông ghi lại câu trả lời của Chúa Jê-sus cho câu thứ nhì trước ( Lu-ca 21:8-9 ), rồi mới trả lời câu thứ nhất sau đó ( Lu-ca 21:20-24 ). Đề ý: Lu-ca trả lời câu hỏi số 1 về sự phá hủy

đền thờ và thành Jerusalem : Ông tả thời gian Jerusalem dưới sự kiểm soát của ngoại bang và nói rằng việc này sẽ tiếp tục cho đến khi kỳ hạn dân ngoại được trọn ( Lu-ca 21:24 ). Thời gian dân ngoại chiếm hữu Jerusalem thật sự bắt đầu khi Babylon chiếm lấy quốc gia này năm 586 B.C. Jerusalem lại rơi vào sự kiểm soát của dân ngoại trong thời kỳ đại nạn ( Xa-cha-ri 14:1-2 ), và Chúa Jêsus sẽ đến để khôi phục lại Jerusalem ( Lu-ca 21:25-28 ).

4.- **BẮT ĐẦU CƠN HOẠN NẠN THẮT SINH NỔ ( 4-8 )**: Từ câu 5 đến câu 8, Chúa Jêsus tả 3 năm đầu của cơn hoạn nạn. Đây là 1/2 của tuần lễ thứ 70 của Đa-ni-ên (Dan 9:27 ). Những cái ẩn này là 6 cái ẩn đoán phạt trong Khải huyền đoạn 6:

#### MA-THI-Ơ 24

- Christ giả ( 4-5 )
- Chiến tranh ( 6 )
- Đói kém ( 7 )
- Bệnh và chết ( 7 )
- Tử vì đạo (9-10 )
- Động đất ( 7 )

#### KHẢI HUYỀN ĐOẠN 6

- Ấn thứ nhất : Anti -Christ ( 1-2 )
- Ấn thứ nhì: Chiến tranh ( 3-4 )
- Ấn thứ ba : Đói kém ( 5-6 )
- Ấn thứ tư: Bệnh và chết ( 8 )
- Ấn thứ năm: tử vì đạo ( 9-11 )
- Ấn thứ 6: Động đất ( 12 )

5.- **NHỮNG NHÀ TRUYỀN GIÁO DO-THÁI ( câu 14 )**: Khải huyền đoạn 7 nói có 144,000 người Do-thái được cứu trong thời kỳ hoạn nạn và được đóng ấn để họ được bảo vệ khi họ đi giảng tin lành rằng Nước Thiên Đàng đến gần như Chúa Jêsus và Glăng Báp-tít đã làm. Việc rao giảng này sẽ được thực hiện cho thế giới trước khi sự cuối cùng đến.

6.- **SỰ TÀN PHÁ LẬP TRONG NƠI THÁNH ( CÂU 15-22)**: Chúa Jêsus lại xoay qua biến cố mà Đa-ni-ên đã có nói đến để đánh dấu phần giữa của thời kỳ hoạn nạn. Điều này đề cập đến Anti-Christ thành lập hình ảnh của nó để người ta thờ lạy trong đền thờ ( Đan 9:27; 12:11; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:4 và Khải huyền 13:14-15 ). Thời gian tiếp theo biến cố này là thời kỳ đau khổ nhất chưa bao giờ xảy ra từ khi sáng thế ( câu 21 ). Giê-rê-mi 30:7 và Đa-ni-ên 12:1 đề cập đến thời gian này là phân nửa đại nạn cuối cùng ( 3 năm 1/2 sau ). Giê-rê-mi gọi thời kỳ này là " thời kỳ đau buồn của Gia-cốp ." Nên để ý rằng đền thờ sẽ phải được xây lại, nhưng không còn vừng vàng cho đến giữa thời kỳ của 7 năm hoạn nạn. Đây cũng là lúc Anti-Christ phá vỡ hòa ước với Do-thái ( Đan 9:27 ).

7.- **NHỮNG NGƯỜI TRONG DO-THÁI PHẢI TRỐN ( câu 16-20 )**: Khải huyền đoạn 12 mô tả Do-thái là một người đàn bà (sinh ra Đấng Christ ) phải chạy trốn vào đồng vắng ở đó 1,260 ngày ( tức 3 năm 1/2, thời kỳ thứ nhì của 7 năm hoạn nạn. ) Thời kỳ này được ghi trong Ma-thi-ơ 24:21-28.

8.- **CHRIST TRỞ LẠI ( 28-34 )**: Đấng Christ sẽ trở lại cách chớp nhoáng, mọi mắt đều nhìn thấy ( Khải huyền 1:7 ). Trên trời có dấu hiệu ( câu 29-30 ) đã được Giô-ên tiên tri ( Giô-ên 3:15 ) và Ê-sai nói đến ( Ê-sai 13:9-10 ). Thiên sứ gom lại những người được chọn ( câu 31 ) giống như ấn dụ lúa mì và cỏ lùng ( Matt. 13:30, 41 ).

Lúc thiên sứ gom lại này không phải như lúc Chúa đến trong chốn không trung được ghi trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4 đầu.

Câu “ dòng dõi này sẽ chẳng qua đi ” ( câu 34 ) đề cập đến những người Do-thái trong tương lai sẽ thấy mọi biến cố xảy ra trong một thế hệ, mà Chúa không có ý nói đến thế hệ đang nghe lời Chúa giảng đâu, vì Chúa phán rằng những người đang nghe Chúa giảng từ chối Chúa nên họ không được phép vào Nước Thiên Đàng ( 21:43 ).

10.- KỂ BỊ ĐEM ĐI VÀ KỂ ĐƯỢC Ở LẠI ( 36-44 ): Thế giới của thời kỳ Nô-ê còn sống đã bị hình phạt vì không chịu vâng lời Chúa và không có chuẩn bị. Những kẻ bị đem đi là những người ác, còn những kẻ được để lại là những người tin Chúa và những người tin Chúa trong hời kỳ này sẽ tiếp tục sống trên đất ( vào Nước Thiên Đàng ) bằng chính thân thể của con người và cũng sẽ sinh nở trong nước một ngàn năm bình an ( Thiên Hy Niên. )

TÓM TẮT: 1.- Trả lời câu thứ nhì: BIẾN CỐ THỜI KỲ CUỐI CÙNG:

Ma-thi-ơ 24:4-35

Mác 13:5-31

Lu-ca 21: 8-11, 25-32

2.- Trả lời câu thứ nhất: NĂM 70 A.D. : Lu-ca 21:12-24.

### **RANH GIỚI THỜI GIAN TIÊN TRI**

“ NGÀY CỦA CHRIST ”

CHÚA TÁI LÂM

- Chúa Jêsus ở trên không trung

- Chúa Jêsus đặt chân trên địa cầu

- Chúa đến để rước Hội Thánh

- Chúa đến cùng với Hội Thánh

- Có sự đoán xét Cơ đốc nhân để thưởng

- Chúa cùng Cơ đốc nhân cai trị

- 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18 ; 2 Cô 5:10

- Matt. 24:27-25:31; 1 Tê 1:7-10

Khải huyền 3:10

Khải huyền 1:7; 19:11-21

Ký hòa ước

Tòa Án Trắng

Khải 20:11-15

Phá hòa ước

Thời đại Hội Thánh

3 năm 1/2

3 năm 1/2

1,000 năm bình an

Nước đời đời

Khải huyền 2-3

Tuần thứ 70 của Daniel

Êsai 11:1-11;35;65

1 Cô 15:20-28

Dan 9:27; Matt. 24:15

Êxê 40-48

Khải 21-22

-21, 29-30;

Dan 2:35,44-45

2 Tê 2:3-9; Khải 7:14

7:27; Xa 14:16-21

11:2-3; 12:6, 14

Khải 11:15;

13:1-6, 14-15

20:1-6

Khải 6-18

NGÀY CỦA CHÚA: 1 Tê 5:1-11

2 Tê 2:1-12

## PHÚC ÂM MÁC

I.- TÁC GIẢ: Mác là tác giả phúc âm Mác. Tên ông được nhắc 10 lần trong Tân Ước.

1.- Ông theo Phao-lô trong cuộc truyền giáo lần đầu ( Công 13:1-5 ), nhưng trở về Jerusalem trước khi cuộc truyền giáo hoàn tất ( Công vụ 13:3 )

2.- Ba-na-ba là anh em họ của Mác ( Cô-lô-se 4:10 ) đưa Mác đi đến đảo Síp-rơ khi Phao-lô từ chối không bằng lòng cho Mác đi theo trong cuộc truyền giáo lần thứ nhì ( Công 15:36-40 ).

3.- Tuy nhiên, Mác vẫn là điều ích lợi cho Phao-lô ( 2 Tim 4:11 ), lẫn Phi-e-rơ ( I Phi 5:13 ) sau này trong chức vụ.

### II NGƯỜI NHẬN:

A.- Phúc âm Mác được viết cho những người không phải là Do-thái:

1.- Mác giải thích phong tục và từ ngữ Do-thái ( 7:3-4; 12:42; 14:12; 15:42 )

2.- Những tiếng và câu A-ra-ma-ít được dịch sang chữ Hy-lạp ( 3:17; 5:41; 7:11; 34, 43; 10:46; 14:36; 15:22, 34. )

3.- Một số tiếng La-tinh được dùng hơn là tiếng Hy-lạp có chữ tương đương ( 5:9; 6:27; 7:4; 12:14, 15, 42, 15:15, 16, 39.)

B.- Độc giả là những tín đồ La-mã:

1.- Chỉ có Mác là nhận ra Si-môn, người Sy-ren, là cha của A-léc-xan-đơ và Rufus (15:21 và Rô-ma 16:13 ).

2.- Clement of Alexandria ( A.D. 195 ) viết rằng: “ Khi Phi-e-rơ công bố lời Chúa ở La-mã và công bố phúc âm bởi Thánh Linh, những người hiện diện ở đó đông lắm yêu cầu Mác là người theo ông lâu dài và nhớ những điều dạy dỗ ghi lại lời ông nói. Làm theo ý họ, ông Mác đã trao phúc âm lại cho những người yêu cầu đó. Khi Phi-e-rơ hay điều đó, ông không ngăn cản, cũng không khuyến khích. ”

### III.- NGÀY VÀ NƠI VIẾT:

A.- Truyền thuyết của hội thánh chưa thống nhất về việc Mác viết phúc âm này trước hay là sau khi Phi-e-rơ chết. Phúc âm Mác được kể như viết vào khoảng năm A.D. 64-68.

B.- Phúc âm được Mác viết tại thành phố La-mã.

### IV.- ĐẶC TÍNH:

A.- Ngắn: 1.- Mác là phúc âm ngắn nhất; 2.- Chỉ dài bằng 2/3 phúc âm Lu-ca.

B.- Hành động: 1.- Những chữ “tức thì, ngay” có trên 40 lần.

2.- Chữ “và” được dùng thường để ghép những sự việc cùng nhau.

3.- ***Mác 3:20 và 6:31 nói rằng Chúa Jêsus bận quá không có thì giờ mà ăn.***

4.- 18 phép lạ được ghi lại, trong đó có 2 phép lạ đặc biệt đối với Mác ( 7:31-37; 8:22-26 ).

5.- Tài liệu ít nói về sự dạy dỗ của Chúa Jêsus. Chỉ có 4 ẩn dụ ( 4:2-20, 26-29, 30-32; 12:1-9 ) và một bài giảng chính ( 13:3-37 ).

C.- TÍNH CHẤT GIẢN DỊ: 1.- Mác viết theo lối hành văn không cầu kỳ và bóng bẩy của chữ Hy-lạp. 2.- Mác dùng từ ngữ đơn giản rõ ràng.

V.- MỤC ĐÍCH:

A.- Mác viết để củng cố thêm sức cho người tín đồ La-mã nên diễn tả Chúa Jêsus như là đầy tớ của Đức Giê-hô-va.

B.- Chúa Jêsus cũng được nhận ra là Đấng Mê-si-a và Con Đức Chúa Trời trong câu 1:1; 8:29; và 15:39.

D.- DẪN BÀI CẢ SÁCH:

I.- HOÀN CẢNH CỦA NGƯỜI ĐẦY TỚ ( 1:1-13 )

a.- Nhận ra người đầy tớ ( 1:1).

b.- Người tiền phương của người đầy tớ ( 1:2-8).

c.- Báp-têm của người đầy tớ ( 1:9-11)

d.- Sự cám dỗ của người đầy tớ ( 1:12-13 ).

II.- SỰ PHỤC VỤ CỦA NGƯỜI ĐẦY TỚ ( 1:14-10:52 ).

a.- Người đầy tớ phục vụ quần chúng ( 1:14-8:30 )

b.- Người đầy tớ phục vụ môn đồ ( 8:31-10:52).

III.- SỰ HY SINH CỦA NGƯỜI ĐẦY TỚ ( 11:1-16:20 )

a.- Sự chống đối người đầy tớ ( 11:1-13:37 )

b.- Sự chuộc tội của người đầy tớ ((14:1-15:47 )

c.- Sự sống lại của người đầy tớ ( 16:1-20 ).

#### NHỮNG PHÉP LẠ TRONG PHÚC ÂM MÁC

A.- TRỪ QUỶ ÁM:

1:21-28 : Người đàn ông.

1:32-34 : Lời tuyên bố chung.

3:7-12 : Lời tuyên bố chung.

5:1-20 : Người đàn ông.

7:24-30 : Đứa con gái.

9:14-29 : Đứa con trai.

B.- THIÊN NHIÊN:

4:35-41 : Sóng gió.

6:45-52 : Đi bộ trên mặt nước.

11:12-14, 20-24 : Cây vả khô héo.

C.- HÓA BÁNH RA NHIỀU:

6:30-44 : Cho 5,000 người ăn.

8:1-10 : Cho 4,000 người ăn.

C.- CHỮA BỆNH:

1:29-31 : Bà gia Phi-e-rơ.

1:32-34 : Lời tuyên bố chung.

1:40-45 : Người phong.

2:3-12	: Người bại.
3:1-6	: Tay teo.
3:7-12	: Lời tuyên bố chung.
5:21-24, 35-43	: Đứa con gái đã chết.
5:25-34	: Người đàn bà bệnh huyết lậu.
6:53-56	: Lời tuyên bố chung.
7:31-37	: Người câm ( chỉ có trong sách Mác mà thôi.)
8:22-26	: Người mù ( chỉ có trong sách Mác mà thôi. )
10:46-52	: Người mù.

### MỤC ĐÍCH CHÚA JÊSUS THỰC HIỆN PHÉP LẠ

- 1.- Để chúng tỏ thần tính và chức vụ của Đấng Mê-si-a.
- 2.- Để chúng tỏ Đức Chúa Jêsus từ Đức Chúa Trời đến.
- 3.- Để tỏ ra rằng Chúa Jêsus là Chúa Cứu Thế và dẫn đưa con người đến sự tin cậy nơi Ngài.
- 4.- Để củng cố tinh thần và tăng thêm sức lực cho môn đồ Ngài và để chuẩn bị họ cho sự phục vụ Ngài trong tương lai.

### CHỮ VIẾT TRÊN THẬP TỰ GIÁ

1.- Ma-thi-ơ 27:37	: Đây là Jêsus	Vua Dân Do-Thái
2.- Mác 15:26		Vua Dân Do-Thái
3.- Lu-ca 23:38	: Đây là	Vua Dân Do-Thái
4.- Glăng 19:19:	: Jêsus ở Na-xa-rét	Vua Dân Do-Thái

Chữ viết là : Chữ Hê-bơ-rơ, Hy-lạp và La-tinh: ĐÂY LÀ JÊSUS Ở NA-XA-RÉT VUA DÂN DO-THÁI.

### NHỮNG CUỘC XỬ ÁN CHÚA JÊSUS ( Mác 14:53-15:15 )

( Cuộc xử thuộc tôn giáo )

- 1.- Tra hỏi của Phi-lát ( Mác 15:1b-5 )  
( Matt. 27:2; Lu-ca 23:1-5; Glăng 18:28-38 )
- 2.- Tra hỏi của Vua Hê-rốt ( Lu-ca 23:6-12 )
- 3.- Quyết định của Phi-lát ( Mác 15:6-15 )  
( Matt. 27:15-26; Lu-ca 23:13-25; Glăng 18:39-19:1, 4-16 )

### NHỮNG LỜI CUỐI CÙNG CỦA Đấng CHRIST

- 1.- Lời thứ nhất ( Lu-ca 23:34 ): " Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết họ làm điều gì."
- 2.- Lời thứ nhì ( Lu-ca 23:43 ): " Quả thật, ta nói cùng ngươi, hôm nay ngươi sẽ ở với ta nơi Ba-ra-đi."

- 3.- Lời thứ ba ( Glăng 19:26-27 ) : “ Hỡi đàn bà kia, đó là con người. . .Đó là mẹ người.”
- 4.- Lời thứ tư ( Matt. 27:46;Mác15:34: “ Đức Chúa Trời tôi ôi, Đức Chúa Trời tôi ôi, sao Ngài lia bỏ tôi ?”
- 5.- Lời thứ năm ( Glăng 19:28 ) : “ Ta khát ! ”
- 6.- Lời thứ sáu ( Glăng 19:30 ) : “ Mọi sự đã được trọn !”
- 7.- Lời cuối cùng ( Lu-ca 23:46 ) : “ Lạy Cha, tôi trao linh hồn tôi lại trong tay Cha.”

## PHÚC ÂM LU-CA

### I.- TÁC GIẢ:

A.- Lu-ca viết phúc âm thứ ba:

1.- Lu-ca viết phúc âm Lu-ca và sách Công Vụ các Sứ Đồ ( Lu-ca 1:1-4, Công Vụ 1:1 )

2.- Do một số chữ “ chúng ta ” trong sách Công Vụ các Sứ Đồ ( 16:1-17; 20:5-21:18; 27:1-28:16 ), người đọc biết tác giả là bạn đồng hành của Phao-lô.

3.- Do phương thức loại bỏ những ý không đúng lý, là bạn đồng hành của Phao-lô, mà người ta biết tác giả của phúc âm thứ ba và Công Vụ các Sứ Đồ có thể được nhận ra chính là Lu-ca.

B.- Những giáo phụ cho biết Lu-ca, một y sĩ, là người viết phúc âm thứ ba: Đó là Iranaeus, Tertullian, Clement of Alexandria, Origen, Eusebius và Jerome. Truyền thuyết của hội thánh cũng đồng ý như vậy.

C.- Lu-ca là dân ngoại bang:

1.- Trong Cô-lô-se 4:10-14, Phao-lô phân biệt rõ giữa Lu-ca với những người cộng tác với ông qua sự cắt bì của Do-thái.

2.- Lu-ca là tác giả, nhưng không phải người Do-thái duy nhất của Tân Ước.

3.- Tên Lu-ca chỉ có 3 lần trong Kinh Thánh ( Cô-lô-se 4:14; Phi-lê-môn câu 24; và 2 Ti-mô-thê 4:11. )

d.- Sách Lu-ca là sách dài nhất đối với Tân Ước. Phúc âm Lu-ca và sách Công Vụ các Sứ Đồ dài bằng 28% của Tân Ước.

### II.- NGƯỜI NHẬN:

A.- Lu-ca gửi sách này cho Thê-ô-phi-lơ.

1.- Tên Thê-ô-phi-lơ có nghĩa là “ Người yêu của Chúa ”, nhưng điều này không có nghĩa danh từ đó là biểu tượng cho cộng đồng tín đồ, mà là một nhân vật có thật.

2.- Thê-ô-phi-la là một cá nhân có vai trò cao cấp trong xã hội ( Lu-ca gọi ông này là “ quý nhơn.” )

### III.- NGÀY VÀ NƠI VIẾT:

1.- Vì sách Lu-ca được viết trước sách Công Vụ các Sứ Đồ ( do Công Vụ 1:1 “ chuyện trước ” ), và sách Công Vụ kết thúc bằng chuyện Phao-lô bị tù tại La-mã, ngày viết sách Lu-ca có thể là A.D. 58-60.

2.- Thành phố Sê-sa-rê hoặc La-mã có thể là nơi viết sách Lu-ca.

### IV.- ĐẶC TÍNH:

A.- Hàm súc:

1.- Lu-ca viết tường tận về đời sống và chức vụ của Chúa Jêsus.

2.- Về thứ tự thời gian, Lu-ca chép thời gian lâu dài hơn bất cứ tác giả phúc âm nào khác.

B.- Con người của Chúa Jêsus:

1.- Tác giả trình bày Chúa Jêsus như là Con người hoàn toàn.

2.- Ông ấy nhấn mạnh sự giảng sinh, thời thơ ấu và sự phát triển của Christ ( 2:52)

### C.- Cầu nguyện:

- 1.- Phúc âm Lu-ca được đề cập đến như là phúc âm cầu nguyện.
- 2.- Lu-ca ghi lại nhiều lần Christ cầu nguyện và dạy về sự cầu nguyện.

### D.- Chức vụ của Đức Thánh Linh:

- 1.- Phúc âm Lu-ca ghi đặc biệt về sự đầy dẫy Đức Thánh Linh và ban cho sức mạnh.
- 2.- Chức vụ của Đức Thánh Linh được ghi lại với chức vụ của Đấng Christ ( 3:22; 4:1, 18-19 ) và Ma-ri ( 1:35 ), Ê-li-sa-bét (1:41 ), Xa-cha-ri (1:67 ), Si-môn ( 2:25 ) và những người khác.

### E.- Vui mừng và ca hát:

- 1.- Lu-ca ghi lại những sinh hoạt có sự vui mừng hơn bất cứ tác giả nào khác. Sự vui mừng này thường được gắn liền cùng sự cứu rỗi và đức tin.

- 2.- Những bài hát có nhiều trong phúc âm Lu-ca . Có 4 bài hát được ghi lại:

- a) - Maginificat ( bài ca ngợi của Ma-ri 1:46-55 )
- b) -Benedictus ( bài ca ngợi của Xa-cha-ri 1:68-79 )
- c)- Gloria in Excelsis ( bài ca của thiên sứ 2:14 )
- d- Nunc Dimittis ( bài ca của Si-mê-ôn 2:29-32 )

### V.- MỤC ĐÍCH:

- 1.- Phúc âm thứ ba nhấn mạnh tính chất con người của Chúa Jêsus, nhìn Đấng Christ như là con người.
- 2.- Lu-ca nói mục đích của sách trong lời mở đầu ( 1:4 ) để chứng tỏ rằng phúc âm của Chúa Jêsus là thật.
- 3.-Lu-ca đã viết ra sách này theo thứ tự thời gian với những chứng tích lịch sử có giá trị và đích xác để bày tỏ và thuyết phục đọc giả rằng sự kiện về chức vụ của Chúa Jêsus đáng tin cậy.

### VI.- DẪN BÀI:

#### I.- MỞ ĐẦU ( 1:1-4 )

- a) Lý do viết sách này ( 1:1-3 )
- b) Mục đích viết sách này ( 1:4 )

#### II- CON NGƯỜI ĐẾN ( 1:5-2:52 )

- a) Thông báo về sự sin ra của Giăng Báp-tít ( 1:5-25 )
- b) Thông báo về sự giáng sinh của Chúa Jêsus Christ ( 1:26-56 )
- c) Sự sinh ra và phát triển của Giăng Báp-tít ( 1:57-80 )
- d) Sự giáng sinh và phát triển của Chúa Jêsus Christ ( 2:1-51 ).

#### III.- SỰ TRÌNH BÀY VỀ CON NGƯỜI ( 3:1-4:13 )

- a) Báp-têm của Chúa Jêsus ( 3:1-22).
- b) Gia phả của Chúa Jêsus ( 3:23-38 ).
- c) Sự cám dỗ cho Chúa Jêsus ( 4:1-13 ).

#### IV.- CHỨC VỤ CỦA CHÚA CON NGƯỜI ( 4:14-21:38 )

- a) Chức vụ của Chúa Jêsus tại Ga-li-lê (4:14-9:50)
- b) Chức vụ của Chúa Jêsus trên đường đi đến Jerusalem ( 9:51-19:28 )

c) Chức vụ của Chúa Jêsus tại Jerusalem ( 19:29-21;38 ).

V.- SỰ THƯƠNG KHÓ CỦA CON NGƯỜI ( 22:1-23:56 )

a) Chuẩn bị (22:1-6)

b) Vượt qua (22:7-38)

c) Bị mưu phản ( 22:39-65 )

d) Bị xử án ( 22:66-23:25 )

e) Chết ( 23:26-49 )

f) Chôn ( 23:50-56 )

VI.- SỰ SỐNG LẠI CỦA CON NGƯỜI ( 24:1-53 )

a) Không có thi hài (24:1-12 )

b) Hiện ra cho môn đồ (24:13-49 )

c) Thăng thiên ( 24:50-53 ).

## PHÚC ÂM GIĂNG

### I.- TÁC GIẢ:

A.- Sứ đồ Giăng là tác giả phúc âm Glăng:

1.- Bằng chứng bên ngoài: Theophilus of Antioch là người đầu tiên viết cho biết rằng Giăng là tác giả, ông này viết vào khoảng năm A.D. 175 ). Iranaeus ( khoảng năm 200 ) cũng viết rằng Giăng, môn đồ của Chúa Jêsus, người dựa vào Ngài, viết phúc âm này. Lời công bố của Iranaeus rất quan trọng, vì ông ấy là học trò của Polycarp, mà Polycarp là bạn của Giăng.

2.- Bằng chứng bên trong ( Từ trong phúc âm ): Phúc âm Giăng nói lên bằng chứng mạnh mẽ Giăng chính là tác giả sách này:

a.- Tác giả là một người Do-thái, rất rành rẽ với những ngày lễ của Do-thái ( 2:13,23; 7:37; 10:22 ) và phong tục Do-thái ( 2:1-10; 3:25; 4:9; 7:22; 11:38, 44, 55; 19:31,40 ).

b.- Tác giả có lẽ là người Do-thái ở Palestine, bằng cứ là ông ấy có kiến thức về địa lý đất đai ( 1:44; 2:1; 4:5-6, 21; 9:7; 11:18; 18:1 ) và vài chi tiết về Palestine ( 5:2; 9:7; 10:22; 18:1; 19:17 ).

c. - Tác giả là một chứng nhân cho những điều ông viết ra ( 1:14; 2:6; 4:6; 12:3, 5; 18:1-19:42 ). Nhiều chi tiết ghi lại trong các câu này chỉ cho thấy sự chứng kiến bằng mắt.

d.- Sứ đồ Giăng đúng là tác giả của phúc âm Glăng. Những sứ đồ khác có tên trong phúc âm, nhưng Giăng thì không. Một người muốn có tên được đề cập khimột người khác viết sách. Khi muốn đề cập đến chính mình, ông viết :” môn đồ Chúa yêu “ ( 13:23; 19:26; 20:2; 21:7, 20 ), “ môn đồ làm chứng cho những điều này “ ( 21:24 ), “ một môn đồ khác “ ( 18:15 ), và “ môn đồ này “ ( 19:27 ). “ Môn đồ này “ ắt là Giăng, và ông ấy là người viết ra phúc âm Glăng, vậy là hữu lý quá rồi.

B.- Giăng là một ngư phủ ( Matt 4:21 ).

C.- Ông ấy là con của Xê-bê-đê ( Matt. 4:21 ) và Sa-lô-mê ( Matt. 27:55-56 ; Mác 15:40 ), và là em của Gia-cơ ( Matt. 4:21 ).

D.- Vị sứ đồ này là người có lòng nhiệt thành ( Mác 3:17 ).

### II.- NGÀY VIẾT:

A.- Quyển Rylands Papyrus 457 có nhiều câu trong Giăng đoạn 18. Vì các học giả cho rằng quyển này có vào giữa thế kỷ thứ nhì. Phúc âm Giăng thế nào viết trễ hơn cuối thế kỷ thứ nhất. Quyển Egerton Papyrus 2 có chứa một phần của Giăng đoạn 5 cũng thuộc những năm đầu của thế kỷ thứ nhì cũng chứng minh hùng hồn năm viết phúc âm Giăng.

B.- Iranaeus nói rằng Giăng viết phúc âm này trong lúc ông ấy ở tại thành Ê-phê-sô ,nơi mà Giăng ở vào cuối cuộc đời của ông. Ông bị lưu đày từ Ê-phê-sô đến đảo Bát-mô ( Khải 1:9 ) trong lúc hoàng đế La-mã tên là Domitian cai trị ( A.D. 81-96 ), những năm bị lưu đày có lẽ 90-95,96.

C.- Xét những bằng chứng nêu trên, vì vậy, chúng ta có thể kết luận rằng chính sứ đồ Glăng đã viết phúc âm này vào khoảng năm 85 hoặc sau đó một chút, dù có vài lý luận cho rằng có thể vào năm 70. Và có lẽ ông viết ba thư tín vào giữa năm 85 và 95, còn Khải huyền thì vào năm 95/96.

### III.- NGƯỜI NHẬN:

A.- Truyền thuyết đầu tiên cho rằng Glăng viết cho hội thánh và thế giới nói chung. Clement of Alexandria, Papias, Irenaeus, Jerome, Gregory Nazianzen và Augustine cho rằng phúc âm Glăng là viết cho mọi người. E.F. Harrison và Leon Morris tin rằng chủ yếu của sách Glăng là viết cho người Do-thái tan lạc.

B.- Bằng chứng xác thực có thể xác định rằng thật là cho người Do-thái, biết rành về phong tục và lễ lặc của đền tạm. Ngoài ra, trong lối hành văn theo người Do-thái, Glăng nói Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời thành nhục thể. Thật là hữu lý khi nói rằng ý của Glăng là muốn cho người Do-thái tan lạc biết về Jêsus. Dù chấp nhận quan điểm này, Glăng còn có thể có đọc giả chung khác nữa để họ biết và tin nơi Con Đức Chúa Trời trở thành người.

### IV.- ĐẶC TÍNH:

#### A.- BẢY CHỮ “TA LÀ”:

- 1.- 6:35 “Ta là bánh của sự sống.”
- 2.- 8:13 “Ta là sự sáng của thế gian.”
- 3.- 10:9 “Ta là cái cửa.”
- 4.- 10:11 “Ta là người chăn hiền lành.”
- 5.- 11:25 “Ta là sự sống lại và sự sống.”
- 6.- 14:6 “Ta là đường đi, lối thật, và sự sống.”
- 7.- 15:1 “Ta là gốc nho thật.”

#### B.- BẢY PHÉP LẠ TRONG PHÚC ÂM GIĂNG:

Đoạn	Phép lạ	Ý nghĩa
2	Hóa nước thành rượu	Đấng Tạo Hóa
4	Chữa lành con trai quan thị vệ	Đấng vô sở bất tại
5	Chữa lành người bại	Đấng đại y sĩ
6	Hoá bánh cho 5,000 người ăn	Đấng hằng sống
6	Đi bộ trên mặt nước	Đấng vô sở bất năng
9	Chữa lành người mù	Sự sáng của thế gian
11	Cứu La-xa-rơ sống lại	Sự sống lại và sự sống

#### V.- MỤC ĐÍCH: Glăng 20:30-31

- 1.- Biện luận: Để biện hộ đặc tính thánh thiện về Đấng Mê-si-a của con người của Chúa Jêsus.
- 2.- Truyền giảng: Để giải thích tính chất chức vụ của Đấng Christ để đọc giả có thể được dẫn dắt đến chỗ tin Ngài.

#### VI.- Đấng CHRIST ĐƯỢC MÔ TẢ NHƯ LÀ:

ĐOẠN	NHƯ LÀ ĐẲNG
1	LỜI HẰNG SỐNG
2	TẠO HÓA
3	CỨU THẾ
4	NƯỚC HẰNG SỐNG
5	ĐẠI Y SĨ
6	BÁNH SỰ SỐNG
7	ĐẲNG CỦA THIÊN ĐÀNG
8	SỰ SÁNG CỦA THẾ GIAN ( công bố )
9	SỰ SÁNG CỦA THẾ GIAN ( chứng minh )
10	NGƯỜI CHẶN CHIÊN HIỀN LÀNH/ CÁI CỦA
11	SỰ SỐNG LẠI VÀ SỰ SỐNG
12	VUA Y-SƠ-RA-ÊN
13	ĐẦY TỚ
14	ĐƯỜNG ĐI, LỄ THẬT, VÀ SỰ SỐNG
15	GỐC NHO THẬT
16	CHỦ ĐỀ ĐỨC THÁNH LINH
17	THẦY TẾ LỄ THƯỢNG PHẨM
18	ĐẲNG VÂNG PHỤC
19	CHIÊN CON LỄ VƯỢT QUA
20	ĐẲNG ĐẮC THẮNG
21	ĐẲNG CHẶN CHIÊN VĨ ĐẠI

MỘT ĐẶC TÍNH CỦA PHÚC ÂM GIĂNG LÀ LỐI XẾP ĐẶT VỀ NHỮNG Ý TƯỞNG NHƯ:

- 1.- Sự sống đời đời bằng cách tin nơi Jêsus là Con Đức Chúa Trời và là Đấng Cứu Thế con người ( 20:31 ).
- 2.- Thay đổi cá nhân bằng cách tin Jêsus ( 1:12): 7 dấu hiệu thay đổi ( tối ra sáng, chết thành sống, buồn thành vui, bệnh thành khỏe mạnh. )
- 3.- Jêsus là Ngôi Lời ( 1:1 ) là sự bày tỏ chính Đức Chúa Trời cho người.
- 4.- Jêsus là sự sống (1:4 ) là Đấng Tạo Hóa và là nguồn của mọi sự sống trên đất và đời đời.
- 5.- Jêsus là ánh sáng ( 1:4 ) là nguồn của mọi chân lý và sự sáng tâm linh ( 14:6 ).
- 6.- Jêsus là Con biểu lộ đặc tính cần thiết của Đức Chúa Cha cho con người ( 14:9-10 ), là Đấng có tình yêu thương và ân điển cho bất cứ ai tin nhận Ngài.
- 7.- Quan niệm về sự làm chứng và chứng nhân là quan trọng trong Phúc Âm Giăng. Lời chứng này là nói về Jêsus rằng Ngài là Đấng Cứu Thế và là Con Đức Chúa Trời. Có 7 điều về lời chứng rằng Jêsus là Chúa và là Đấng Cứu Thế:
  - 1.- 5:30-31 Ngài làm chứng cho chính Ngài.
  - 2.- 5:32-35 Giăng Báp-tít

- 3.- 5:36 Công việc của Ngài.
- 4.- 5:37-38 Đức Chúa Cha
- 5.- 5:39-47 Kinh Thánh
- 6.- 15:26 Đức Thánh Linh
- 7.- 15:27 Môn đồ

**SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI BẰNG CÁCH TIN NHẬN:** Khi Giảng đề cập đến đề tài này trong Phúc Âm Giảng, có một tiến trình nhất định về giáo lý. Mỗi một đoạn kinh văn bày tỏ một chân lý xa hơn để xây dựng trên những chân lý đã có trước kia:

- 1:4 Sự sống trong con. Nó cho sự sáng để biết tội con người và chân lý thánh.
- 3:14-16 Sự sống ban cho chúng ta qua đức tin nơi sự chết của Ngài cho chúng ta. sự sống này là vĩnh cửu.
- 3:36 Sự sống đời đời này là điều mà Cơ đốc nhân có được trong hiện tại ( chớ không phải chỉ đến trong tương lai, chắc chắn .)
- 4:14 Sự sống đời đời này cho một sự thỏa mãn bên trong nội tâm.
- 5:24 Sự sống đời đời để được miễn trừ sự đoán xét.
- 6:40 Sự sống đời đời này gồm có lời hứa cho sự bất diệt của cơ thể.
- 10:27-29 Sự sống đời đời này chẳng thể nào bị mất đi. Người tin Chúa rồi thì được sự bảo đảm đời đời từ lúc bắt đầu tin thật sự.
- 17:24 Sự sống đời đời này sẽ có được trong sự vinh hiển của người tín đồ với Christ.
- 20:31 Hãy chú ý rằng Giảng đã đề tâm trí khi viết câu này của Phúc Âm ở trong đoạn cuối.

### PHÚC ÂM GIẢNG ĐỐI VỚI PHÚC ÂM CỘNG QUAN

#### CỘNG QUAN

- 1.- Trình bày Jêsus ( sự kiện)
- 2.- Cho ta biết Jêsus ( bên ngoài )
- 3.- Nhấn mạnh phương diện con người
- 4.- Nhấn mạnh bài giảng công cộng
- 5.- Chức vụ chính tại Ga-li-lê
- 6.- Bắt đầu bằng phổ hệ con người, với sự ứng nghiệm lời tiên tri Do-thái.
- 7.- Viết ra những sự kiện về Jêsus
- 8.- Chức vụ công khai bắt đầu bằng lễ báp-têm do Giảng Báp-tít thực hiện
- 9.- Bỏ qua chức vụ tại Giu-đê trước khi Giảng Báp-tít bị tù.

#### GIẢNG

- 1.- Giải thích Ngài là ai ( giáo lý)
- 2.- Giải thích về Ngài ( bên trong )
- 3.- Nhấn mạnh thần tính của Ngài
- 4.- Nhấn mạnh cuộc đàm thoại riêng
- 5.- Chức vụ chính tại Giu-đê
- 6.- Bắt đầu bằng sự khả thị thánh về quá khứ đời đời.
- 7.- Đòi hỏi một quyết định:” rằng người tin.”
- 8.- Chức vụ công khai bắt đầu bằng lễ báp-têm do Giảng.
- 9.- Chép lại chức vụ từ đầu tại Giu-đê trước khi Giảng Báp-tít bị tù

10.- Bắt đầu chức vụ công khai tại Ga-li-lê sau khi Giăng Báp-tít bị tù (Matt. 4:12 )

(3:24) với những chuyến đi Ga-li-lê ( 2:11, phép lạ đầu tiên tại Cana ở Ga-li-lê. )

10.- 5 đoạn đầu của Giăng là những biến cố xảy ra trước khi phúc âm cộng quan bắt đầu câu chuyện về chức vụ Chúa Jêsus tại Ga-li-lê.

### BÀY DẤU LẠ

1.- HÓA NƯỚC THÀNH RƯỢU ( 2:1-11):

- a.- Jêsus là thầy ( chủ ) của chất phẩm.
- b.- Ngài có quyền trên thiên nhiên và dùng nó để giúp người khi có lời cầu xin: Vô sở bất năng.
- c.- Ngài biến hóa từ vật tầm thường đến vật có giá trị.
- d.- Ngài vui thích trong niềm vui con người.

2.- CHỮA LÀNH CON TRAI QUAN THỊ VỆ ( 4:46-54 ):

- a.- Jêsus là vị thầy ( chủ ) của khoảng cách, không gian : Vô sở bất tại.
- b.- Ngài quan tâm tới những kẻ đau buồn.
- c.- Ngài sẽ dùng sự đau buồn để khuyến khích đức tin.

3.- CHỮA LÀNH NGƯỜI BẠI ( 5:1-9 ):

- a.- Jêsus là vị thầy ( chủ ) của thời gian, chữa ngay chứng bệnh lâu 38 năm.
- b.- Ngài giải cứu người nô lệ cả cơ thể lẫn tâm linh. Tại đây Ngài trị bệnh trong ngày Sa-bát để những người lãnh đạo Do-thái biết họ đang bị nô lệ với truyền thuyết tôn giáo ngăn cấm trị bệnh trong ngày Sa-bát.

4.- CHO 5 NGÀN NGƯỜI ĂN ( 6:1-14 ):

- a.- Jêsus là vị thầy ( chủ ) của số lượng.
- b.- Ngài quan tâm đến việc nuôi dưỡng cơ thể và tâm linh.
- c.- Ngài có thể làm bội phần hiệu năng của chúng ta.

5.- ĐI BỘ TRÊN MẶT NƯỚC ( 6:16-21 ):

- a.- Jêsus là vị thầy ( chủ ) trên luật lệ thiên nhiên.
- b.- Ngài quan tâm đến nỗi lo sợ và tìm để an ủi chúng ta.

6.- CHỮA LÀNH NGƯỜI MÙ TỬ THUỞ SINH RA ( 9:1-12 ):

- a.- Jêsus là vị thầy ( chủ ) của sự bất hạnh.
- b.- Ngài sẽ giúp cho những ai công nhận mình bị mù và đặt niềm tin nơi Ngài theo sự chỉ dẫn của Ngài ( Châm 3:5-6 ).

7.- CỨU SỐNG LA-XA-RƠ ( 11:1-46 ):

- a.- Jêsus là vị thầy của sự chết.
- b.- Ngài can thiệp để giúp chúng ta thắng sự đau khổ.

**KẾT LUẬN:** Bảy dấu lạ này chứng tỏ Chúa Jêsus nắm quyền trên mọi yếu tố của sự sống mà con người khó có thể đương đầu. Phẩm, không gian, thời gian, số lượng, luật thiên nhiên, sự bất hạnh và sự chết đều trải qua cuộc đời con người. Sự sống mỗi ngày đều là sự cố gắng vượt qua những giới hạn của họ. Đấng Christ là siêu phàm trên mọi thứ đó và ân điển Ngài đối với con người không giới hạn. Ngài là thầy và là chủ ( nghĩa là: Chúa Jêsus có quyền năng để chế ngự bất cứ trở ngại nào, thiên nhiên hay cơ thể con người ), trên những trường hợp đó mà những thứ đó lại:

- 1.- Cất niềm vui khỏi đời sống ( nước thành rượu. )
- 2.- Đe dọa đời sống ( con trai quan thị vệ. )
- 3.- Làm suy nhược đời sống ( người bại. )
- 4.- Đem lại đói khát ( hóa bánh cho 5,000 người ăn. )
- 5.- Ngăn cản ý Chúa ( đi bộ trên mặt nước. )
- 6.- Rất phức tạp ( người mù. )
- 7.- Giết ( La-xa-rơ ).

### NHỮNG ĐIỀU CHÍNH YẾU TRONG SÁCH GIẢNG

A.- MỤC ĐÍCH CỦA GIẢNG: 20:30-31 “ ĐỂ NGƯỜI TA ĐƯỢC SỰ SỐNG.”

a.- DẤU LẠ: Việc làm phép lạ để bày tỏ điều gì đó về bản chất hoặc đặc tính của Chúa Jêsus.

b.- TIN ( 99 lần ): Chữ “ tin” trong Tân Ước có quan niệm tương đương với chữ “ tin cậy ” ( trust ) trong Cựu Ước ( Châm 3:5-6 ). “ Tin cậy ” Chúa là hoàn toàn nương dựa nơi Ngài là Đức Chúa Trời và là Chúa Cứu Thế.

c.- CHRIST : Là Đấng Mê-si-a ( Đấng chịu xúc dầu ) được Đức Chúa Trời hứa để làm Đấng Cứu Thế cả nhân loại.

d.- CON ĐỨC CHÚA TRỜI : Thân tính của Đấng Christ. Jêsus là Con Đức Chúa Trời ( nhưng bằng với Đức Chúa Trời ) ( 5:18 ).

e.- SỰ SỐNG: Ở đây nói về sự sống đời đời. Đây là mức độ sự sống của Đức Chúa Trời, cao hơn mức độ sự sống của con người.

B.- PHƯƠNG THỨC: DẤU LẠ \_\_\_\_\_ NIỀM TIN \_\_\_\_\_ SỰ SỐNG

C.- SỰ TÁI SINH ( 3:1-36 ) : Bởi nước và Thánh Linh mà sinh ( 3:5 ). Nhiều người hiểu câu này như là lễ báp-têm. Đây nên hiểu là “ nước ” tức là Đức Thánh Linh. Một cách nói như giải thích, nhấn mạnh.

### **CHỨNG MINH VỚI NHỮNG LÝ DO:**

- 1.- Nước là biểu tượng của Đức Thánh Linh trong Cựu Ước ( Ê-sai 44:3; 55:1; Ê-xê-chi-ên 36:25-27 ).
- 2.- Là giáo sư về Cựu Ước, Ni-cô-dem đáng lẽ nên hiểu về sự sinh lại bởi Đức Thánh Linh. Đó là lý do Jêsus quở ông ta trong câu 3:10.
- 3.- Giảng dùng biểu tượng của nước uống tâm linh trong Phúc Âm của ông để nêu lên hình ảnh của Đức Thánh Linh ( 4:13-14 và 7:38-39 ). Vậy, Thánh Linh và nước là chủ đề của Phúc Âm này.

- 4.- Giảng cũng dùng nước uốn tâm linh trong sách Khải Huyền để nêu lên hình của Đức Thánh Linh và sự sống đời đời ( Khải 22:1, 17 ). Nước là một trong những hình ảnh thích thú nhất của Giảng ( Chúa Jêsus nói mà Giảng thích,) để chỉ sự sống đời đời. Nước ở đây là nước uống tâm linh, chứ không phải nước dùng làm lễ báp-têm.
- 5.- Chữ Hy-lạp “ KAI ” dịch là “ và ” trong câu “ nước và Thánh Linh” có nghĩa là “ ngay cả ” hoặc “ chính là.” Ở đây, chữ “ KAI ” nên hiểu “ chính là ” để hiểu “ nước ” và Thánh Linh là một và giống nhau.
- 6.- Sứ đồ Phao-lô cũng dùng cùng một hình ảnh trong câu nói- nước uống tâm linh khi nói về báp-têm Thánh Linh ( I Cô-rinh-tô 12:13 ).
- NHỮNG QUAN ĐIỂM GIẢI THÍCH KHÁC VỚI QUAN ĐIỂM NÀY :** Nước đề cập đến:
- a.- Sự sinh thiên nhiên, còn Thánh Linh thì sinh từ trên.
  - b.- Lời Chúa ( Ê-phê-sô 5:26 ).
  - c.- Nước là báp-têm.
  - d.- Chức vụ ăn năn của Giảng Báp-tít, và Thánh Linh đề cập đến công việc của Thánh Linh khi đem lại sự sinh mới và kết quả của sự ăn năn.

**HẾT**